

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ngày 26/04/2019,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, bao gồm một số chỉ tiêu cơ bản như sau:

1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Nội dung	Thực hiện	Đơn vị
- Sản lượng điện sản xuất	3.070	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	3.049	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	2.488.990	Triệu đồng
- Tổng chi phí	889.780	Triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	1.599.210	Triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	1.282.464	Triệu đồng
- Cổ tức	22	%
- Đầu tư xây dựng - ĐTPT	885.256	Triệu đồng
- Đầu tư tài chính	0	Triệu đồng

2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019:

Nội dung	Kế hoạch	Đơn vị
- Sản lượng điện sản xuất	2.665	Tr.kWh
- Sản lượng điện thương phẩm	2.640	Tr.kWh
- Tổng doanh thu	1.717.996	Triệu đồng
- Tổng chi phí	1.024.696	Triệu đồng
- Lợi nhuận trước thuế	693.300	Triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế	555.307	Triệu đồng
- Cổ tức	12	%
- Đầu tư xây dựng - ĐTPT	1.065.023	Triệu đồng

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2018 với những nội dung chính như sau:

1. Báo cáo tài chính riêng

1.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.780.751	2.579.793
2. Tài sản dài hạn	5.549.785	6.088.580
Tổng cộng tài sản	7.330.536	8.668.373
3. Nợ phải trả	1.810.499	2.889.649
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.520.037	5.778.724
Tổng cộng nguồn vốn	7.330.536	8.668.373

1.2. Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 2.488.990 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 889.780 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.599.210 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.282.464 triệu đồng.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.802.308	2.596.281
2. Tài sản dài hạn	5.871.980	6.464.945

Tổng cộng tài sản	7.674.288	9.061.226
3. Nợ phải trả	2.089.154	3.218.828
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.534.752	5.791.626
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	50.381	50.772
Tổng cộng nguồn vốn	7.674.288	9.061.226

2.2 Các chỉ tiêu cơ bản của Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018:

- Tổng doanh thu: 2.530.027 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 929.058 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.600.969 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.285.177 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 4.065 triệu đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 1.281.112 triệu đồng

Điều 3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi về tình hình quản lý Công ty năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

Điều 4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.

Điều 5. Thông qua phương án lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH KPMG để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019..

Điều 6. Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát, cụ thể như sau:

1. Lương, thù lao thực hiện HĐQT, BKS năm 2018: Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 của HĐQT, BKS là 2.030.770.000 đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS: Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS là 1.566.276.000 đồng.

Điều 7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018:

(ĐVT: Đồng)

STT	Nội dung	Số tiền	Tỷ lệ
1	Lợi nhuận sau thuế	1.282.463.513.110	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	65.043.372.273	
3	Phân phối lợi nhuận (1) + (2)	1.347.506.885.383	100%
3.1	Cổ tức (22%)	929.280.000.000	68,96%
	Trong đó: đã tạm ứng 10%	422.400.000.000	

**BIÊN BẢN CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**

Tên Công ty: Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (ĐHĐ)

Mã chứng khoán: DNH

Thời gian: 08 giờ 30 phút, ngày 26/04/2019.

Địa điểm: Hội trường A, Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, số 80A Trần Phú, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông/đại biểu

- Người báo cáo: Ông Lê Xuân Phong - Chức vụ: Phó Phòng Tài chính và Kế toán Công ty ĐHĐ.

- Nội dung báo cáo:

+ Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ 124 cổ đông sở hữu 422.400.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty ĐHĐ theo danh sách chốt đến 16 giờ 30 phút ngày 29/03/2019.

+ Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, Cổ đông và người được ủy quyền tham dự đại hội: 19 đại biểu, đại diện cho 422.268.960 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 99,97 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

+ Căn cứ Luật doanh nghiệp 2014 và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

II. Giới thiệu Đoàn Chủ tọa, Thư ký đại hội, Ban Kiểm phiếu

1. Đoàn Chủ tọa thành phần như sau:

1. Ông Nguyễn Trọng Oánh, Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa đại hội;
2. Ông Lê Văn Quang, Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc - Thành viên;
3. Ông Đỗ Minh Lộc - Ủy viên HĐQT, P. Tổng Giám đốc - Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tọa với tỷ lệ đồng ý 100%.

2. Ban Thư ký Đại hội, thành phần như sau:

1. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký HĐQT - Trưởng Ban Thư ký Đại hội.
2. Ông Trịnh Quang Tiến Phước, Phó Phòng Hành chính và Lao động - Thành viên.

Đại hội nhất trí thông qua danh sách Ban Thư ký Đại hội với tỷ lệ đồng ý 100%.

3. Ban Kiểm phiếu

1. Ông Lê Xuân Phong, Phó Phòng Tài chính và Kế toán - Trưởng Ban kiểm phiếu;
2. Ông Đặng Như Tấn, Chuyên viên Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật - Thành viên;
3. Bà Nhâm Thị Huyền Thao, Chuyên viên Phòng Tài chính và Kế toán - Thành viên.

III. Giới thiệu Quy chế tổ chức Đại hội; Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019, Chương trình Đại hội.

1. Trình bày Quy chế tổ chức Đại hội

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, Thư ký đại hội trình bày Quy chế tổ chức Đại hội, Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 và xin ý kiến của Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua các Quy chế với tỷ lệ đồng ý 100%.

2. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông Lê Thành Cẩm - Phó Phòng Hành chính và Lao động giới thiệu Chương trình Đại hội và xin ý kiến của Đại hội.

Đại hội nhất trí thông qua Chương trình Đại hội với tỷ lệ đồng ý 100%.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

I. Đại hội nghe trình bày nội dung các Báo cáo và Tờ trình

1. Ông Đỗ Minh Lộc, Ủy viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

2. Ông Lê Văn Quang, Ủy viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý Công ty năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.

3. Ông Hoàng Văn Long, Thành viên Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2019; Tờ trình lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.

4. Bà Phạm Thị Hồng Hà - Kế toán trưởng Công ty trình bày Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính năm 2018; Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

5. Ông Lê Thành Cẩm - Phó Phòng Hành chính và Lao động Công ty trình bày Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS; Tờ trình đề nghị thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

PHẦN III: Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Các cổ đông đã thảo luận các nội dung trình Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi thông qua.

PHẦN IV: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

STT	Các nội dung biểu quyết	Kết quả biểu quyết
1.	Thông qua kết quả hoạt động SXKD-ĐTXD năm 2018 1. Kết quả hoạt động SXKD: - Sản lượng điện sản xuất: 3.070 triệu kWh. - Sản lượng điện thương phẩm: 3.049 triệu kWh. - Tổng doanh thu: 2.488.990 triệu đồng. - Tổng chi phí: 889.780 triệu đồng; - Tổng lợi nhuận trước thuế: 1.599.210 triệu đồng. - Lợi nhuận sau thuế: 1.282.464 triệu đồng. - Cổ tức: 22%. 2. Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển: 885.256 triệu đồng. 3. Lương và thù lao người quản lý (bao gồm thưởng ATĐ): - Tiền lương người quản lý chuyên trách: 4.694.216.000 đồng. - Tiền thưởng ATĐ của người quản lý chuyên trách: 301.934.000 đồng. - Thù lao người quản lý không chuyên trách: 299.908.000 đồng. 4. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2018 Tổng lợi nhuận 1.347.507 triệu đồng, cụ thể	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%



EVN HPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457
Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 3/6

	như sau: - Lợi nhuận sau thuế năm 2018: 1.282.464 triệu đồng. - Lợi nhuận năm trước để lại: 65.043 triệu đồng. Tổng lợi nhuận: 1.347.507 triệu đồng. - Cổ tức (22%) : 929.280 triệu đồng. - Quỹ đầu tư phát triển: 384.739 triệu đồng. - Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành Công ty: 624 triệu đồng. - Quỹ khen thưởng phúc lợi: 17.031 triệu đồng. - Lợi nhuận để lại: 15.833 triệu đồng. 5. Thông qua kết quả đầu tư tài chính tại thời điểm 31/12/2018. 6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018.	
2.	Thông qua Kế hoạch SXKD-ĐTXD năm 2019: 1. Kế hoạch SXKD: - Sản lượng điện sản xuất: 2.665 triệu kWh. - Sản lượng điện thương phẩm: 2.640 triệu kWh. - Tổng doanh thu: 1.717.996 triệu đồng. - Tổng chi phí: 1.024.696 triệu đồng. - Tổng lợi nhuận trước thuế: 693.300 triệu đồng. - Tổng lợi nhuận sau thuế: 555.307 triệu đồng - Cổ tức: 12%. 2. Kế hoạch ĐTXD - ĐTPPT: 1.065.023 triệu đồng. 3. Kế hoạch đầu tư tài chính năm 2019: Lập phương án thoái vốn tại các công ty cổ phần có vốn góp của Công ty ĐHD. 4. Kế hoạch tiền lương, thù lao người quản lý năm 2019: - Tiền lương của người quản lý chuyên trách: 3.610.008.000 đồng. - Tiền thưởng ATĐ của người quản lý chuyên	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%



	trách: 252.288.000 đồng. - Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 230.640.000 đồng.	
3.	Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị về tình hình quản lý Công ty năm 2018 và kế hoạch hoạt động năm 2019.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
4.	Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
5.	Thông qua phương án lựa chọn và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH KPMG để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
6.	Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và BKS. - Thù lao của HĐQT và BKS năm 2018: + Tiền lương Chủ tịch HĐQT: 948.493.000 đồng. + Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 782.369.000 đồng. + Thù lao Kiểm soát viên: 299.908.000 đồng Tổng cộng: 2.030.770.000 đồng. - Thù lao của HĐQT và BKS năm 2019: + Tiền lương Chủ tịch HĐQT: 733.968.000 đồng. + Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát: 601.668.000 đồng. + Thù lao Kiểm soát viên: 230.640.000 đồng Tổng cộng: 1.566.276.000 đồng.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%
7.	Thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.	- Tỷ lệ tán thành: 100% - Tỷ lệ không tán thành: 0% - Tỷ lệ không có ý kiến: 0%

PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN VÀ NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI

1. Trình bày Biên bản và Nghị quyết Đại hội

Ông Nguyễn Ngọc Tuấn - Trưởng Ban Thư ký Đại hội đọc biên bản và Nghị quyết Đại hội.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 với 100% số phiếu tán thành.

2. Phát biểu bế mạc Đại hội

Vào lúc 11 giờ 30 cùng ngày, ông Nguyễn Trọng Oánh - Chủ Tọa đoàn đã tuyên bố bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Biên bản này được lập thành 02 bản và được lưu tại Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký.



Nguyễn Trọng Oánh

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Trịnh Quang Tiến Phước

Nguyễn Ngọc Tuấn



EVNHPC DHD

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI

Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng
Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457
Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 6/6

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2018 và Kế hoạch năm 2019

Phần I

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2018

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

1. Tình hình thiết bị:

Hầu hết các tổ máy, thiết bị hoạt động ổn định, tuy có xảy ra một vài sự cố nhưng được khắc phục nhanh chóng, đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, liên tục.

2. Tình hình thủy văn:

Trong năm, tình hình thủy văn trên lưu vực hồ chứa Hàm Thuận tương đối thuận lợi, lưu lượng bình quân nước về hồ là 61,83 m³/s, cao hơn so với cùng kỳ 2017 và TBNN (năm 2017: 56,67 m³/s; TBNN: 51,03 m³/s), đặc biệt trong tháng 8 và 9, hồ Hàm Thuận phải xả điều tiết với tổng lượng nước khoảng 111,54 triệu m³. Ngược lại, lưu lượng bình quân nước về hồ chứa Đa Nhim là 19,94 m³/s, thấp hơn so với cùng kỳ 2017 và TBNN (năm 2017: 39,85 m³/s; TBNN: 22,79 m³/s) nhưng phải xả tràn khoảng 60,5 triệu m³ để điều tiết do lượng nước về tập trung trong tháng 11 và 12. Chi tiết như sau:

Nội dung	ĐVT	Hồ Đa Nhim		Hồ Hàm Thuận	
		2017	2018	2017	2018
Lưu lượng nước vào hồ	m ³ /s	39,85	19,94	56,67	61,34
Tần suất	%	3,32	57,33	28,12	18,80
Lưu lượng nước chạy máy	m ³ /s	25,12	17,82	57,60	61,83
Lưu lượng nước xả bình quân	m ³ /s	14,34	1,88	0,00	3,51
Tổng lượng nước xả qua đập	tr. m ³	452,98	60,50	0,00	111,54
Mực nước hồ đầu kỳ	m	1.042,29	1.042,00	605,10	603,49
Mực nước hồ cuối kỳ	m	1.042,00	1.041,90	603,49	597,84

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ:

1. Công tác vận hành sản xuất điện:

Kế hoạch sản lượng năm là 2.665 triệu kWh, thực hiện đến ngày 31/12/2018 là 3.070 triệu kWh đạt 115,19 % so với kế hoạch năm. Chi tiết như sau:

Nội dung	KH 2018	TH 2018	TH 2017	TH/KH (%)	SS 2017 (%)
Sản lượng điện sản xuất (Tr.kWh)	2.665	3.070	3.310	115,19	92,72
Đa Nhim - Sông Pha	1.162	1.048	1.460	90,19	71,78
Hàm Thuận - Đa Mi	1.503	2.022	1.850	134,46	109,24
Sản lượng điện thương phẩm (Tr.kWh)	2.640	3.049	3.287	115,45	92,73
Đa Nhim - Sông Pha	1.151	1.041	1.449	90,36	71,77
Hàm Thuận - Đa Mi	1.489	2.008	1.838	134,86	109,25
Tỉ lệ tổn thất - tự dùng (%SLĐ)	0,95	0,74	0,71	77,89	104,23
Hệ số khả dụng	95,5	95,27	98,00	99,76	97,21
Tỉ lệ thời gian dừng máy sự cố	0,5	0,01	0,01	2,00	100,00
Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng	4,0	4,72	1,99	118,00	238,38

Ghi chú:

- Hệ số khả dụng và Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng không đạt kế hoạch do kéo dài thời gian dừng H1 Hàm Thuận để tiêu tu kết hợp thực hiện lắp đặt, nâng cấp hệ thống điều tốc và điều khiển từ ngày 12/11 đến ngày 10/12.

- Trong các tháng cuối năm 2018, do nhu cầu của Hệ thống điện, Nhà máy Hàm Thuận và Đa Mi phải phát cao nên MNH Hàm Thuận giảm thấp hơn MNDBT khoảng 7,2m tương ứng sản lượng là 173 triệu kWh.

2. Sửa chữa lớn:

Trong năm 2018, Công ty đăng ký 16 hạng mục (14 công trình đăng ký mới và 02 hạng mục công trình chuyên tiếp) với tổng số tiền là 57,43 tỉ đồng. Công ty đã tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ các hạng mục, công trình. Thực hiện năm 2018 là 49,84 tỉ đồng, đạt 86,78% kế hoạch.

Bổ sung hạng mục phát sinh: “Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim” với giá trị 449 triệu đồng.

Chi tiết đính kèm Phụ lục I: Tình hình thực hiện sửa chữa lớn năm 2018.

3. Công tác cung cấp dịch vụ:

Trong năm, Công ty đã ký kết 45 hợp đồng dịch vụ (trong đó có 11 hợp đồng có giá trị dưới 20 triệu đồng/hợp đồng). Tổng giá trị hợp đồng ký kết khoảng 12,99 tỉ đồng (bao gồm 10% thuế VAT), doanh thu trong năm đạt khoảng 13,60 tỉ đồng.

Tiếp tục thực hiện hoàn thành các hợp đồng dịch vụ đã ký kết theo đúng tiến độ với chất lượng cao, đảm bảo an toàn và thanh quyết toán từng phần: Thủy điện Xekaman 1-Xekaman Sanxay; Thủy điện Đa Dâng; Thủy điện Hồi Xuân...

4. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
I.	Hoạt động sản xuất điện				
1.	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)	Ti đồng	1.589,48	2.451,85	154,25
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Ti đồng	929,07	884,12	95,16
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Ti đồng	660,41	1.567,73	237,39
II.	Hoạt động tài chính (không lãi vay)				
1.	Doanh thu	Ti đồng	15,95	23,54	147,62
2.	Chi phí	Ti đồng	0	(4,77)	
3.	Lợi nhuận	Ti đồng	15,95	28,31	177,55
III.	Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)				
1.	Doanh thu	Ti đồng	10,35	13,60	131,43
2.	Chi phí	Ti đồng	9,32	10,43	111,99
3.	Lợi nhuận	Ti đồng	1,03	3,17	306,38
IV.	Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)		677,39	1.599,21	236,08
V.	Tỷ lệ chia cổ tức	%	10	22	220

Trong đó: Tổng quỹ lương, thù lao, tiền thưởng ATĐ thực hiện 2018 của NQL Công ty là 5.296.058.000 đồng, bao gồm:

- Tiền lương của người quản lý chuyên trách: 4.694.216.000 đồng
- Tiền thưởng An toàn điện của người quản lý chuyên trách: 301.934.000 đồng
- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 299.908.000 đồng.

III. CÔNG TÁC ĐẦU TƯ:

1. Đầu tư xây dựng:

1.1. Tóm tắt giải ngân của 3 dự án:

Đơn vị tính: Ti đồng

Stt	Dự án	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim	506,62	459,57	90,71
2	Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	288,26	380,65	132,05
3	Mở rộng NMTĐ Đa Nhim 2	4,82	0,38	7,90
	Tổng cộng	799,70	840,60	105,11

- Giá trị giải ngân của Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim không đạt kế hoạch do tiến độ thi công đường hầm bị chậm.

- Giá trị giải ngân của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi cao hơn kế hoạch chủ yếu là do việc thanh toán phần thiết bị của các Nhà thầu DMS-8 và DMS-9 tăng cao cụ thể như sau:

+ Giải ngân Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện tăng khoảng 57,46 tỷ đồng do số lần thanh toán của hợp đồng được thực hiện nhiều đợt nên nhà thầu đã đẩy nhanh tiến độ cấp hàng để đảm bảo dòng vốn thực hiện dự án.

+ Giải ngân Gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo tăng 84,39 tỷ đồng vì:

(i) Số lần thanh toán của hợp đồng được thực hiện nhiều đợt và nhà thầu tổ chức thi công sản xuất phao trong nước nên khối lượng sản xuất và thanh toán từng đợt được đẩy nhanh. Vì vậy, giá trị giải ngân tăng lên 31 tỷ đồng, vượt 10% so với kế hoạch.

(ii) Tăng tạm ứng thêm 10% theo cam kết trong Biên bản thương thảo hợp đồng lên 41 tỷ đồng, vượt 14% so với kế hoạch.

(iii) Giá trị hợp đồng dự kiến để tính kế hoạch thấp hơn so với thực tế 90 tỷ đồng nên kế hoạch thấp hơn thực tế khoảng 21 tỷ đồng, giảm 10% so với kế hoạch.

+ Giải ngân Gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV giảm 29,39 tỷ đồng do nhà thầu chưa đảm bảo tiến độ thi công theo cam kết.

1.2. Tình hình thực hiện:

a) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim:

Hầu hết các hạng mục đều đáp ứng tiến độ theo hợp đồng trừ công tác khoan đường hầm. Công ty đã đưa tổ máy H5 Đa Nhim vào vận hành thử thách 72 giờ từ ngày 30/12/2018 với công suất 45MW.

b) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

(*) Công tác DBGPMB:

Đã chi trả chi phí đền bù, hỗ trợ 44/45 hộ dân, hiện còn 01 hộ dân thuộc xã Đa Mi chưa nhận tiền đền bù cho phần đất hành lang tuyến đường dây 110kV do nguyên nhân chủ yếu là vấn đề giá đền bù (Hộ dân này đang yêu cầu đền bù giá rất cao so với mức giá công bố theo quy định). Công ty đang tiếp tục phối hợp với địa phương vận động hộ dân này đồng thuận đảm bảo tiến độ phát điện của dự án trong tháng 6/2019.

(*) Công tác vay vốn:

Công ty đang thực hiện đồng thời hai phương án vay vốn:

- Phương án vay vốn nước ngoài: Ngân hàng phát triển Châu Á (ADB) đã có thư ngày 01/04/2019 về cơ bản đồng ý gia hạn thời gian ký kết hợp đồng trước 30/06/2019. Phương án vay vốn đang trình Tập đoàn Điện lực Việt Nam xem xét phê duyệt và Công ty đang đàm phán dự thảo hợp đồng tín dụng và các thể chấp.

- Phương án vay vốn trong nước: Công ty đang thực hiện thủ tục lựa chọn nhà tài trợ cho dự án, đàm phán dự thảo hợp đồng tín dụng và các hợp đồng thế chấp.

Trong thời gian chưa vay được vốn, Công ty sử dụng vốn đối ứng và vốn sản xuất kinh doanh để thanh toán cho nhà thầu và sẽ hoàn trả sau khi giải ngân được nguồn vốn vay.

c) Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - Giai đoạn 2:

Công ty tiếp tục phối hợp với Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 tiến hành khảo sát, phân tích, giải trình bổ sung giải pháp tổng thể để đảm bảo lợi ích về phát điện và cấp nước hạ du theo đề nghị của UBND tỉnh Ninh Thuận.

2. Công tác đầu tư phát triển:

Trong năm 2018, Công ty đăng ký 13 hạng mục với tổng số tiền là 46,41 tỉ đồng. Công ty đã tổ chức thực hiện hoàn tất 12/13 hạng mục với tổng giá trị là 44,65 tỉ đồng đạt 96,2% kế hoạch, 01 hạng mục chuyển tiếp sang năm 2019 là Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận.

3. Công tác đầu tư tài chính:

Kế hoạch góp vốn năm 2018 là 15,4 tỉ đồng. Năm 2018, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào TBW do TBM chưa có thông báo góp vốn.

Chi tiết đính kèm Phụ lục II: Tình hình thực hiện kế hoạch mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn KHCB/ĐTPT năm 2018.

IV. CÔNG TÁC TỐI ƯU HÓA:

Trong năm 2018, Công ty đã triển khai thực hiện kế hoạch tối ưu hóa chi phí theo chỉ đạo của Tập đoàn và Tổng công ty Phát điện 1. Kết quả thực hiện như sau:

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2018	Chỉ tiêu	KH. TUH	Thực hiện 2018	TH/KH (%)
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	Tăng		3.070	115,19
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	Tăng		3.049	115,45
3.	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%SLĐ	0,95	Giảm		0,74	77,89
4.	Hệ số khả dụng	%	95,5	Tăng		95,27	99,76
5.	Tỷ lệ dừng máy do sự cố	%	0,5	Giảm		0,01	2,00
6.	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	4,0	Giảm		4,72	118,00
7.	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	565,71	Tăng		762,64	134,81
8.	Doanh thu SXD	Tr.đồng	1.493.478	Tăng		2.325.132	155,68
9.	Giá trị tồn kho	Tr.đồng	34.846	-3%	33.801	39.185	112,45
10.	Đầu thầu qua mạng	Gói	CHCT $\geq$ 50%			62%(28/45)	124,44

		thầu	ĐTRR, ĐTHC ≥40%			72%(8/11)	181,82
11.	Chi phí	Tr.đồng					
11.1	Chi phí vật liệu	Tr.đồng	6.922	-7,5%	6.403	4.926	71,16
11.2	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	10.173	-7,5%	9.410	6.591	64,79
11.3	Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	29.296	-12%	27.099	26.953	92,00
11.4	Chi phí SCL	Tr.đồng	57.432	-7,5%	53.125	49.839	86,78

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2019

Căn cứ công văn số 454/EVNGENCO1-TH ngày 27/11/2018 của Chủ tịch Tổng công ty Phát điện 1 về việc thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng năm 2019 của DHD, Công ty đăng ký kế hoạch chi tiết như sau:

1. Các chỉ tiêu về kỹ thuật:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch
1.	Sản lượng điện sản xuất (triệu kWh)	2.665
	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng</i>	<i>1.090</i>
	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.543</i>
	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>32</i>
2.	Sản lượng điện thương phẩm (triệu kWh)	2.640
	<i>Đa Nhim - Sông Pha - Đa Nhim mở rộng</i>	<i>1.080</i>
	<i>Hàm Thuận - Đa Mi</i>	<i>1.529</i>
	<i>Điện mặt trời Đa Mi</i>	<i>31</i>
3.	Tỉ lệ tổn thất và tự dùng (%SLĐ)	0,99
4.	Hệ số khả dụng	96,21
5.	Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng	3,29
6.	Tỉ lệ thời gian dừng máy sự cố	0,50

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

Phụ lục III: Tổng hợp kế hoạch sản lượng điện năm 2019.

Phụ lục III.1: Tình hình thủy văn năm 2018 và dự báo năm 2019.

2. Công tác sửa chữa lớn:

Công ty đăng ký 16 hạng mục, công trình với tổng số vốn khoảng 65,49 tỉ đồng. Trong đó, hạng mục phân bổ chi phí bán xe công tác cho 2 tổ máy H1 và H3 Đa Nhim khoảng 18,54 tỉ đồng (Phân bổ từ 2017 - 2020).

Chi tiết đính kèm phụ lục IV: Kế hoạch sửa chữa lớn năm 2019

3. Hoạt động sản xuất kinh doanh:

Công ty đăng ký kế hoạch sản xuất kinh doanh theo các chỉ tiêu chính như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
I.	Hoạt động sản xuất điện		
1.	Doanh thu (đã bao gồm lãi tiền gửi)	Tỉ đồng	1.687,55
2.	Chi phí (bao gồm lỗ chênh lệch tỉ giá)	Tỉ đồng	1.015,38
3.	Lợi nhuận SXKD điện	Tỉ đồng	672,17
II.	Hoạt động tài chính (không lãi vay)		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	20,31
2.	Chi phí	Tỉ đồng	-
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	20,31
III.	Hoạt động SX kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)		
1.	Doanh thu	Tỉ đồng	10,13
2.	Chi phí	Tỉ đồng	9,31
3.	Lợi nhuận	Tỉ đồng	0,82
IV.	Tổng lợi nhuận (I)+(II)+(III)	Tỉ đồng	693,30
V.	Tỉ lệ cổ tức	%	12

Trong đó: Quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng ATĐ kế hoạch 2019 của người quản lý là: 4.092.936.000 đồng, bao gồm:

- Tiền lương của người quản lý chuyên trách: 3.610.008.000 đồng.
- Tiền thưởng An toàn điện của người quản lý chuyên trách: 252.288.000 đồng.
- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: 230.640.000 đồng.

Chi tiết đính kèm các phụ lục:

Phụ lục V: Tổng hợp tình hình thực hiện KH tài chính năm 2018 và KH năm 2019.

Phụ lục V.1: Tình hình thực hiện KH tài chính năm 2018 và kế hoạch năm 2019.

4. Công tác đầu tư:

4.1. Đầu tư xây dựng:

a) Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim:

- Kế hoạch giải ngân là 269,22 tỉ đồng.

- Đẩy nhanh tiến độ khắc phục sạt trượt đường hầm TBM, phấn đấu hoàn thành toàn bộ dự án đưa vào vận hành phát điện thương mại trong năm 2019.

b) Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim (Gđ2): Tiếp tục công tác chuẩn bị đầu tư, kế hoạch vốn giải ngân là 2,27 tỉ đồng.

c) Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

- Kế hoạch giải ngân là 721,31 tỉ đồng.

- Đóng điện đường dây và trạm 110kV: 30/04/2019.

- Đóng điện trạm Inverter A: 20/05/2019.

- Hoàn thành toàn bộ công trình: 15/6/2019.

4.2. Đầu tư phát triển:

Mua sắm máy móc, trang thiết bị gồm 16 hạng mục (Bao gồm 01 hạng mục công trình chuyển tiếp từ năm 2018 và 15 hạng mục đăng ký mới năm 2019) với tổng vốn là 72,22 tỉ đồng.

Phụ lục VI: Kế hoạch mua sắm TSCĐ bằng nguồn vốn KHCB/ĐTPT năm 2019 đính kèm.

5. Chỉ tiêu tối ưu hóa chi phí:

Stt	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Chỉ tiêu	Giá trị	Kế hoạch TUI
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	Tăng	-	
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	Tăng	-	
3.	Tỷ lệ tổn thất và tự dùng	%SL	0,99	Giảm	-	
4.	Hệ số khả dụng	%	96,21	Tăng	-	
5.	Tỉ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng	%	3,29	Giảm	-	
6.	Tỉ lệ thời gian dừng máy sự cố	%	0,50	Giảm	-	
7.	Giá trị tồn kho	Tr.đồng	39.185	-3%	-1.175	38.010
8.	Đấu thầu qua mạng	Gói thầu	CHCT: $\geq 50\%$ ĐTRR, ĐTHC: $\geq 40\%$			
9.	Chi phí	Tr.đồng				
9.1	Chi phí vật liệu	Tr.đồng	10.085	-7,5%	-756	9.329
9.2	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	12.181	-7,5%	-914	11.267
9.3	Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	33.726	-12%	-4.047	29.679
9.4	Chi phí SCL	Tr.đồng	65.487	-7,5%	-4.912	60.575

6. Mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch năm 2019:

6.1. Mục tiêu:

Đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy và hiệu quả các tổ máy phát điện và hệ thống công trình; thực hiện tốt các chỉ số kỹ thuật về tỷ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỷ lệ thời gian dừng máy sự cố và tỷ lệ thời gian dừng máy bảo dưỡng.

Hoàn thành vượt mức kế hoạch kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức.

Vận hành tối ưu các hồ chứa, tích nước các hồ chứa đạt mức nước cao nhất cuối năm.

Hoàn thành các chỉ tiêu trong đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; kế hoạch tối ưu hóa chi phí; kế hoạch quản trị rủi ro trong Công ty.

Đẩy nhanh tiến độ khắc phục sạt trượt, phấn đấu hoàn thành toàn bộ dự án và phát điện thương mại chính thức trong năm 2019.

Đảm bảo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi vận hành phát điện thương mại trước 30/6/2019.

Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Hoàn thành công tác bổ sung quy hoạch và triển khai thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án trong năm 2019.

Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phương án thoái vốn tại các công ty cổ phần có vốn góp của Công ty trong tháng 6/2019.

6.2. Nhiệm vụ và giải pháp:

Phân công, theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống thiết bị, công trình; có biện pháp ngăn ngừa hiệu quả các nguy cơ xảy ra sự cố; chuẩn bị đầy đủ vật tư dự phòng và các phương án xử lý sự cố; xử lý nhanh chóng, chính xác sự cố khách quan, hạn chế đến mức thấp nhất các sự cố chủ quan.

Theo dõi chặt chẽ tình trạng hệ thống truyền tải, nguồn điện; tính toán, dự báo tình hình thủy văn để vận hành tối ưu các hồ chứa; bố trí, huy động nhân lực sửa chữa hợp lý,...để thực hiện chào giá hiệu quả nhằm tăng tối đa doanh thu từ thị trường điện.

Phối hợp Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du trong mùa khô 2019.

Nâng cao chất lượng SCL từ giai đoạn khảo sát, lập PAKT, lập kế hoạch đến giai đoạn nghiệm thu vận hành; thực hiện tốt lịch kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, hệ thống thiết bị, công trình.. Triển khai BDSC công trình kiểu mẫu để rút kinh nghiệm và nhân rộng.

Tiếp tục tổ chức, nâng cao chất lượng đào tạo cho lực lượng vận hành, sửa chữa; cán bộ quản lý, kỹ thuật...có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu vận hành và sửa chữa hệ thống thiết bị.

Tổ chức triển khai thực hiện đề án nâng cao độ tin cậy và hiệu quả vận hành các tổ máy phát điện nhằm tăng hiệu quả vận hành tối đa của thiết bị và giảm chi phí trong BDSC.

Thực hiện tốt các giải pháp trong kế hoạch tối ưu hóa chi phí; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng.

Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất; nâng cao tỉ lệ đấu thầu rộng rãi, qua mạng; hạn chế tối đa chỉ định thầu hoặc mua sắm trực tiếp.

Rà soát, hiệu chỉnh các quy chế, quy định về quản lý nội bộ và tổ chức triển khai áp dụng nghiêm túc, hiệu quả; điều chỉnh quy chế trả lương, thưởng theo hướng khuyến khích, động viên người lao động đóng góp nhiều và hiệu quả cho Công ty.

Tổ chức đào tạo chuyên gia trong các lĩnh vực mũi nhọn, có khả năng giải quyết công việc ở nhiều lĩnh vực khó và mới.

Thực hiện tốt công tác an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, bảo vệ môi trường và PCLB; bảo đảm trật tự, an ninh khu vực.

Tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị, công trình; phối hợp chặt chẽ với các BCH PCTT và TKCN tỉnh Lâm Đồng và Bình Thuận thực hiện tốt kế hoạch công tác phòng chống lụt bão.

Phối hợp với cơ quan công an, quân sự địa phương tổ chức thực hiện tốt kế hoạch bảo vệ, đảm bảo an ninh, trật tự trong khu vực và an toàn cho công trình.

Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn phối hợp Người đại diện phần vốn tại các CTCP có vốn góp của Công ty xây dựng và trình HĐQT phương án thoái vốn trong tháng 6/2019.

Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim:

- Phối hợp với TVGS, TVTK và nhà thầu tổ chức khắc phục nhanh chóng sự cố sạt trượt đường hầm, sửa chữa TBM để sớm thi công trở lại;

- Hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh kế hoạch chi phí, nghiệm thu, quyết toán A-B, quyết toán hạng mục.

Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

Tích cực, chủ động phối hợp các nhà thầu thực hiện hoàn thành các hạng mục công việc theo đúng tiến độ hợp đồng.

Khẩn trương hoàn thành các hồ sơ xin cấp phép giấy hoạt động điện lực;

Chủ động thực hiện đồng thời các công việc để đảm bảo tiến độ đóng điện vận hành đường dây và trạm biến áp 110kV trước 30/4/2019; phát điện trạm Inverter A (20MWp) trước 20/5/2019 và hoàn thành toàn bộ trước ngày 15/6/2019.

Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim - giai đoạn 2:

Tích cực phối hợp PECC2 giải trình các đề xuất của tỉnh Ninh Thuận để hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch.

Trên đây là toàn bộ báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2018 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2019 của Công ty.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, KHVT.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Văn Quang

Phụ lục I:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2018
(Đính kèm Báo cáo số.393./BC-TĐHDH ngày.24./...84./2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên danh mục	Giá trị dự toán	KH năm 2018	TH năm 2018	Tình hình thực hiện
	Tổng cộng	59.062	57.930	49.839	
I	Công trình chuyển tiếp từ năm 2017	5.935	4.803	4.572	
1	SCL công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	3.871	3.715	3.710	Hoàn tất
2	Đại tu tổ máy H2 Đa Nhim	2.064	1.088	862	Hoàn tất
II	Công trình đăng ký mới năm 2018	53.127	53.127	45.267	
	Thiết bị công nghệ	43.706	43.706	36.862	
1	Đại tu tổ máy H2 Đa Mi	2.391	2.391	1.536	Hoàn tất
2	Đại tu tổ máy H1 Đa Nhim	5.472	5.472	1.627	Hoàn tất
3	Đại tu tổ máy H5 Sóng Pha	4.310	4.310	3.878	Hoàn tất
4	Trung tu hệ thống thiết bị phụ dịch Hàm Thuận - Đa Mi	1.066	1.066	1.130	Hoàn tất
5	Trung tu hệ thống thiết bị điện và nước khu văn phòng Bảo Lộc	3.894	3.894	2.692	Hoàn tất
6	Trung tu trạm phân phối 220kV & 110kV Đa Nhim - Sóng Pha	1.784	1.784	1.493	Hoàn tất
7	Trung tu hệ thống thiết bị trạm và đường dây 22kV, 6,6kV Đa Nhim - Đập tràn Đơn Dương	1.263	1.263	781	Hoàn tất
8	Trung tu Hệ thống thiết bị Thông tin, Thủy văn, Cảnh báo, Mạng máy tính, Camera	4.988	4.988	5.163	Hoàn tất
9	Phân bổ chi phí BXCT	18.538	18.538	18.562	Hoàn tất
	Công trình thủy công và xây dựng	9.421	9.421	8.405	
10	SCL công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận, Đa Mi	3.832	3.832	3.759	Hoàn tất
11	SCL công trình thủy công khu vực hạ lưu đập Đơn Dương	370	370	254	Hoàn tất
12	Sửa chữa sân máy biến thế Đa Nhim, nhà làm việc hành chính, nhà kho và nhà trực vận hành khu vực Đa Nhim - Sóng Pha	2.256	2.256	1.854	Hoàn tất
13	Sửa chữa nhà trực vận hành khu vực nhà máy Hàm Thuận - Đa Mi	2.135	2.135	2.089	Hoàn tất
14	Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim	498	498	449	Bổ sung tháng 10/2018. Hoàn tất
15	Sửa chữa lớn các xe ô tô	330	330	-	

Phụ lục II:

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ BẢNG NGUỒN VỐN KH/ĐTPT NĂM 2018

(Đính kèm Báo cáo số 393./BC-TĐHD ngày 24.../...SA../2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Hạng mục công trình	ĐVT	Kế hoạch	TH năm 2018	Tình hình thực hiện
A	TỔNG CỘNG (A+B)		861.525	885.256	
A	Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển		846.125	885.256	
I	Đầu tư xây dựng		799.708	840.606	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim:	DA	506.621	459.572	Dự án nhiều năm
	Vốn vay		447.641	380.379	
	Vốn đối ứng		58.980	79.193	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	DA	4.825	380	Dự án nhiều năm
	Vốn vay		-		
	Vốn đối ứng		4.825	380	
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA	288.262	380.654	Dự án nhiều năm
	Vốn vay		193.028	339.354	
	Vốn đối ứng		95.234	41.300	
II	Đầu tư phát triển		46.417	44.650	
1	Nâng cấp hệ thống thiết bị điều tốc, bảo vệ cho tổ máy số 1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn nhà máy thủy điện Hàm Thuận:	HT	29.497	29.497	Hoàn tất
1,1	Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều tốc tổ máy H1 Hàm Thuận		9.886	9.886	Hoàn tất
1,2	Cung cấp, lắp đặt hệ thống điều khiển, bảo vệ tổ máy H1 Hàm Thuận và hệ thống điều khiển toàn Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận		19.187	19.187	Hoàn tất
1,3	Lập hồ sơ thiết kế, hiệu chỉnh lại toàn bộ hệ thống SCADA/EMS Nhà máy Thủy điện: Hàm Thuận - Đa Mi sau khi chuyển đổi truyền tin hiệu từ RTU sang sử dụng gate way theo IEC 60870.5.104		425	425	Hoàn tất

2	Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	HT	11.850	13.039	Hoàn tất
3	Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	HT	2.500	40	Trong năm 2018 chỉ thanh toán khối lượng thăm tra và thiết kế. Chuyển tiếp sang năm 2019
4	Máy đo tỷ số biến	máy	298	194	Hoàn tất
5	Máy đo điện trở tiếp xúc	máy	250	189	Hoàn tất
6	Máy tạo nhiệt độ chuẩn	máy	240	174	Hoàn tất
7	Máy đo điện trở cách điện (Megger)	máy	120	77	Hoàn tất
8	Bơm nước di động (02 cái)	cái	300	115	Hoàn tất
9	Máy hàn TIG 2200i AC/DC	máy	100	131	Hoàn tất
10	Máy đột lỗ thủy lực 2 chiều	máy	163	204	Hoàn tất
11	Bấm đầu cose thủy lực	bộ	75	65	Hoàn tất
12	Máy đo cường độ điện trường	máy	236	236	Chuyển tiếp từ năm 2017. Hoàn tất
13	Máy phân tích đáp ứng tần số máy biến thế (FRA)	máy	788	689	Hoàn tất
B	Đầu tư tài chính		15.400	-	
1	Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình		15.400	-	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

Phụ lục III:

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG ĐIỆN NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số 333./BC-TĐHD ngày 24/10/2019)

[illegible]

Phụ lục III.1:

TÌNH HÌNH THỦY VĂN NĂM 2018 VÀ DỰ BÁO NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số 385./BC-TĐHH ngày 14/.../2019)

Nhà máy thủy điện Đa Nhim

Tháng	Nước về thực tế năm 2018		Dự báo nước về năm 2019			Tần suất chọn trong đương 65%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	23,58		13,21	11,42	7,61	37,64
2	13,19		7,93	6,14	2,33	11,78
3	11,20		6,29	4,50	2,69	10,57
4	8,01		8,51	6,72	2,91	7,68
5	12,14		15,34	13,55	7,74	13,13
6	9,98		17,83	16,04	12,23	15,69
7	9,15		17,98	16,19	12,38	16,16
8	7,94		19,25	17,47	13,66	16,06
9	33,37		29,85	28,06	24,25	25,10
10	30,37		43,89	42,10	38,29	29,88
11	18,59		41,94	40,15	36,34	32,32
12	14,75		28,77	26,98	23,17	22,56
Trung bình	16,02		20,90	19,11	15,30	19,88

Nhà máy thủy điện Hàm Thuận

Tháng	Nước về thực tế năm 2018		Dự báo nước về năm 2019			Tần suất chọn trong đương 65%
	Q về (m3/s)	Tần suất (%)	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	
1	19,77		15,13	12,78	9,68	14,52
2	13,95		8,15	7,71	5,94	9,27
3	14,73		6,61	5,48	3,12	14,75
4	14,87		9,90	7,56	3,98	7,44
5	23,09		16,77	12,05	4,93	11,40
6	42,71		31,90	25,42	19,26	27,70
7	139,30		80,20	62,43	47,56	58,04
8	176,89		112,52	107,75	98,78	98,72
9	94,19		121,63	116,86	108,89	121,15
10	85,03		116,24	111,47	103,50	112,03
11	45,49		60,10	55,51	45,36	56,27
12	25,12		25,80	22,72	13,06	25,89
Trung bình	57,93		50,41	45,64	38,67	46,43

Phụ lục IV:
KẾ HOẠCH SỬA CHỮA LỚN NĂM 2019
(Đính kèm Báo cáo số 393./BC-TĐHĐ ngày 24.../...2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên danh mục	KH năm 2019	Ghi chú
	Tổng cộng	65.487	
	Thiết bị công nghệ	46.025	
1	Đại tu tổ máy H2 Hàm Thuận	3.703	
2	Đại tu tổ máy H3 Đa Nhim	4.430	
3	Đại tu tổ máy H2 Sông Pha	6.944	
4	Đại tu tổ máy H4 Sông Pha	6.873	
5	Trung tu hệ thống thiết bị Đập tràn và Cửa nhận nước Hàm Thuận	1.323	
6	Trung tu hệ thống thiết bị Đập tràn và Cửa nhận nước Đa Nhim	1.160	
7	Trung tu hệ thống thiết bị cầu trục gian máy, máy công cụ máy lọc dầu Đa Nhim - Sông Pha	800	
8	Trung tu xuất tuyến 230kV - 110kV Hàm Thuận - Đa Mi	2.254	
9	Phân bổ chi phí BXCT	18.538	Phân đều 4 quý
	Công trình thủy công và xây dựng	19.462	
10	Sửa chữa công trình thủy công và kiến trúc nhà máy thủy điện Hàm Thuận và Đa Mi	4.035	
11	Sửa chữa công trình thủy công khu vực đập Đơn Dương	5.757	
12	Sửa chữa Công trình nhà TTDVKT, nhà trực vận hành và sửa chữa khu vực Đa Nhim - Sông Pha	2.000	
13	Sửa chữa công trình nhà trực vận hành khu vực Hàm Thuận - Đa Mi	1.829	
14	Khảo sát, lập phương án xử lý nền tuyến đường ống áp lực nhà máy thủy điện Đa Nhim và Sông Pha	4.800	
15	Xử lý sạt lở mái taluy âm ngã 3 đường vào giếng điều áp và nhà van công trình thủy điện Đa Nhim	711	Bổ sung hạng mục theo QĐ 49/QĐ-TĐHĐ ngày 30/01/2019 của Chủ tịch HĐQT
16	Sửa chữa các xe ô tô	330	

Phụ lục V:

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019
(Đính kèm Báo cáo số 363./BC-TĐHD ngày 24/...57.../2019)

STT	Nội dung	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	Tỉ Lệ TH/KH (%)	KH 2019
I	Hoạt động sản xuất điện					
1	Doanh thu (bao gồm lãi tiền gửi)		1.589.478	2.451.845	154,25	1.687.554
2	Chi phí (bao gồm các khoản tăng giảm giá điện)	Tr.đồng	929.066	884.121	95,16	1.015.381
3	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Tr.đồng	660.412	1.567.724	237,39	672.173
III	Hoạt động tài chính (không lãi vay)	<i>Tr.đồng</i>				
1	Doanh thu	Tr.đồng	15.947	23.542	147,62	20.309
2	Chi phí	Tr.đồng	-	(4.773)		-
3	Lợi nhuận	Tr.đồng	15.947	28.315	177,55	20.309
III	Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)					
1	Doanh thu	Tr.đồng	10.350	13.603	131,43	10.133
2	Chi phí	Tr.đồng	9.315	10.432	111,99	9.315
3	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	1.035	3.171	306,38	818
IV	Tổng cộng lợi nhuận	Tr.đồng	677.394	1.599.210	236,08	693.300

Phụ lục V.1:
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số 33./BC-TĐHD ngày 24/.../2019)

ST T	Nội dung	Đơn vị tính	KH 2018	TH 2018	TH/KH 2018 (%)	KH 2019
I	Hoạt động sản xuất kinh doanh điện					
1	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665,0	3.070,0	115,2%	2.664,5
2	Tự dùng		25,0	21,2	84,8%	24,7
3	Sản lượng điện giao, bán cho EVN		99,062%	0,691%	0,7%	-
4	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640,0	3.048,8	115,5%	2.640
5	Giá bán điện bình quân	đ/kWh	565,71	762,64	134,8%	593,94
6	Doanh thu	Tr.đồng	1.493.478	2.325.132	155,7%	1.582.554
7	Doanh thu HĐTC (lãi tiền gửi)	Tr.đồng	96.000	126.713	132,0%	105.000
8	Chi phí	Tr.đồng	861.555	840.914	97,6%	931.199
	Vật liệu	Tr.đồng	6.922	4.926	(1.996)	10.085
	Lương và BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đồng	97.330	89.130	(8.200)	94.473
	- Lương	Tr.đồng	82.379	81.962	(417)	77.883
	- BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	Tr.đồng	14.696	6.913	(7.783)	16.315
	- Thù lao HĐQT & BKS	Tr.đồng	255	255	-	275
	Khấu hao TSCĐ (Chưa tính tới việc đánh giá lại TS)	Tr.đồng	271.872	225.289	(46.583)	288.027
	Dịch vụ mua ngoài	Tr.đồng	10.173	6.591	(3.582)	12.181
	- Chi phí mua điện	Tr.đồng	3.144	3.041	(103)	4.051
	- Các khoản DVMN khác	Tr.đồng	7.029	3.550	(3.479)	8.130
	Chi phí SCL	Tr.đồng	57.432	49.839		65.487
	Chi phí bằng tiền	Tr.đồng	417.826	465.139		460.945
	- Thuế tài nguyên	Tr.đồng	227.126	262.300	35.174	226.429
	- Phí dịch vụ MTR	Tr.đồng	95.040	109.758	14.718	93.888
	- Phí cấp tiền khai thác tài nguyên nước		30.697	33.989		30.869
	- Tiền thuê đất	Tr.đồng	1.893	753		2.493
	- Lãi tiền vay	Tr.đồng	31.200	29.129		70.741
	- Ăn ca	Tr.đồng	2.425	2.196		2.800
	- Dự phòng TCMVL	Tr.đồng	150	61		-
	- Chi phí bằng tiền khác	Tr.đồng	29.296	26.953		33.726
9	Lợi nhuận SXKD điện (bao gồm lãi vay HT vào CP SXKD điện)	Tr.đồng	727.923	1.610.931		756.356
10	Các khoản tăng, giảm giá thành điện	Tr.đồng	(67.511)	(43.207)		(84.182)
	Chênh lệch tỷ giá	Tr.đồng	(67.511)	(43.207)		(84.182)
	- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	Tr.đồng				-
	- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Tr.đồng	(67.511)	(43.207)		-
	Giảm giá thành từ khoản thu về cho thuê cột điện	Tr.đồng				-

	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán vật tư thu hồi	Tr.đồng				-
	Giảm giá thành do thanh lý, nhượng bán TSCĐ	Tr.đồng	-	-		-
11	Lợi nhuận SXKD điện (sau tăng, giảm các khoản trên)	Tr.đồng	660.412	1.567.724		672.174
12	Giá thành điện bình quân	đ/kWh	351,9	290,0		
13	Hoạt động tài chính (không lãi vay)	Tr.đồng				
	Doanh thu	Tr.đồng	15.947	23.542		20.309
	- Thu lợi nhuận từ cty cổ phần	Tr.đồng	15.947	23.542		20.309
	- Lãi và phí cho vay lại	Tr.đồng				-
	Chi phí	Tr.đồng	-	(4.773)		-
	Lợi nhuận	Tr.đồng	15.947	28.315		20.309
III	Hoạt động sản xuất kinh doanh khác (SX khác, dịch vụ, thu nhập khác)					-
	Doanh thu	Tr.đồng	10.350	13.603		10.133
	- Doanh thu dịch vụ	Tr.đồng	10.350	13.603	131,4%	10.133
	- Thu nhập khác	Tr.đồng				-
	Chi phí	Tr.đồng	9.315	10.432		9.315
	- Chi phí dịch vụ	Tr.đồng	9.315	10.432		9.315
	- Chi phí khác	Tr.đồng				-
	Lợi nhuận HĐ khác	Tr.đồng	1.035	3.171		818
IV	Tổng cộng lợi nhuận	Tr.đồng	677.394	1.599.210	236,1%	693.300
V	Phân phối lợi nhuận (dự kiến)	Tr.đồng	541.864	1.282.464		555.307
	Mức cổ tức	Tr.đồng	10%	22%	220,0%	12%

Phụ lục VI:

KẾ HOẠCH MUA SẴM TSCĐ BẢNG NGUỒN VỐN KH/ĐTPT NĂM 2019

(Đính kèm Báo cáo số 303 /BC-TĐHĐ ngày 24 / 04/2019)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Hạng mục công trình	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	KH 2019	Tình hình thực hiện
A	Đầu tư xây dựng - đầu tư phát triển				1.065.023	
I	Đầu tư xây dựng			-	992.803	
1	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim	DA			269.221	
	Vốn vay				232.822	
	Vốn đối ứng				36.399	
2	Dự án mở rộng NM TĐ Đa Nhim (giai đoạn 2)	DA			2.271	
	Vốn vay					
	Vốn đối ứng				2.271	
3	Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	DA			721.311	
	Vốn vay				687.000	
	Vốn đối ứng				34.311	
II	Đầu tư phát triển				72.220	
	Hạng mục chuyển tiếp năm 2018				1.700	
1	Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận	HT	1	1.700	1.700	Trong năm 2018 chỉ thanh toán tạm ứng phần thiết kế.
	Hạng mục đăng ký mới năm 2019				70.520	
1	Nâng cấp hệ thống giám sát trực tuyến H1 Hàm Thuận	HT	1	3.100	3.100	
2	Nâng cấp hệ thống kích từ tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	1	13.600	13.600	
3	Nâng cấp hệ thống điều khiển tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	1	19.500	19.500	
4	Nâng cấp hệ thống điều tốc tổ máy H2 Hàm Thuận	HT	1	13.620	13.620	
5	Thiết bị kiểm tra cảm biến độ rung, độ đảo	Cái	1	700	700	
6	Xe tải gầu nâng người làm việc trên cao	Xe	1	1.000	1.000	
7	Hệ thống chuyển đổi nguồn tự động cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim	HT	1	1.300	1.300	
8	Hệ thống giám sát lưu lượng chạy máy	HT	2	1.300	2.600	

9	Nâng cấp hệ thống đo mưa khu vực hồ Hàm Thuận	HT	1	1.500	1.500	
10	Hệ thống camera bảo vệ khu vực Đa Mí	HT	1	2.500	2.500	
11	Nâng cấp, thay thế Relay bảo vệ thanh cái trạm 230kV Đa Nhim	HT	1	3.000	3.000	
12	Hợp bộ máy cắt đầu cực Nhà máy Hàm Thuận	Bộ	1	6.250	6.250	Thực hiện 2019-2020. Tổng giá 25 tỉ, năm 2019 tạm ứng 25% giá trị gói thầu.
13	Xe ô tô 16 chỗ ngồi	Xe	1	900	900	
14	Xe tải nhỏ 02 chỗ ngồi	Xe	2	300	600	
15	Ca nô	Chiếc	1	350	350	

Ghi chú: Giá trên chưa bao gồm thuế VAT

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
VỀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ CÔNG TY NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT
ĐỘNG NĂM 2019**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty trân trọng báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về kết quả công tác quản trị của Hội đồng quản trị năm 2018 và phương hướng hoạt động năm 2019 như sau:

Phần I

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-TĐĐHĐ ngày 26/04/2018 của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã kịp thời chỉ đạo Công ty vượt qua những khó khăn, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chủ yếu, đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty đã duy trì nhiều năm qua, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665	3.070	115,20
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640	3.049	115,49
3.	Tổng doanh thu	Tỉ.đ	1.615,77	2.488,99	154,04
4.	Tổng chi phí	Tỉ.đ	938,38	889,78	94,82
5.	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ.đ	677,39	1.599,21	236,08
6.	Lợi nhuận sau thuế	Tỉ.đ	541,86	1.282,46	236,68
7.	Cổ tức	%	10	22	220,00

2. Công tác Đầu tư xây dựng - Đầu tư phát triển

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim: Kế hoạch giải ngân là 506,62 tỉ đồng, thực hiện giải ngân là 459,57 tỉ đồng đạt 90,71%.

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Kế hoạch giải ngân là 4,82 tỉ đồng. Trong năm 2018 giải ngân 0,38 tỉ đồng, đạt 7,9%. Công ty đang phối hợp với Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2) giải trình UBND tỉnh Ninh Thuận và các sở ngành về các tác động, ảnh hưởng của Dự án đến sản xuất, sinh hoạt của người dân trên

địa bàn tỉnh Ninh Thuận trước khi được thỏa thuận quy hoạch địa điểm xây dựng dự án và phê duyệt chủ trương đầu tư.

- Dự án điện mặt trời Đa Mi: Kế hoạch giải ngân là 288,26 tỉ đồng, thực hiện giải ngân 380,65 tỉ đồng đạt 132,05%.

- Công tác đầu tư phát triển: Công ty đăng ký kế hoạch vốn là 46,41 tỉ đồng, thực hiện là 44,65 tỉ đồng, đạt 96,2% kế hoạch. Trong đó, hạng mục Hệ thống xả, giám sát dòng chảy tối thiểu sau đập Hàm Thuận chuyển tiếp sang năm 2019;

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ (%)
1.	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim	Tr.kWh	506,62	459,57	90,71
2.	Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2	Tr.kWh	4,82	380	7,88
3.	Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	Tỉ.đ	288,26	380,65	132,05
4.	Đầu tư phát triển	Tỉ.đ	46,42	44,65	96,19

3. Công tác đầu tư tài chính

Kế hoạch góp vốn năm 2018 là 15,4 tỉ đồng. Trong năm 2018, Công ty chưa thực hiện góp vốn vào TBW do TBW chưa có thông báo góp thêm vốn.

4. Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính 2018

HDQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 5 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

5. Phân phối lợi nhuận 2017

HDQT đã chỉ đạo thực hiện phân phối lợi nhuận theo Điều 7 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

6. Sửa đổi Điều lệ Công ty

HDQT đã chỉ đạo thực hiện theo Điều 8 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

7. Thực hiện Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

HDQT đã chỉ đạo ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty theo Điều 9 Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2018.

8. Kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại doanh nghiệp: Xếp loại A.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT

1. Các cuộc họp HDQT và lấy ý kiến thành viên HDQT, ban hành các quyết định thuộc thẩm quyền:

HDQT duy trì các cuộc họp thường kỳ, thực hiện nghiêm túc các nguyên tắc, quy định theo quy chế làm việc của HDQT, đúng quy định của pháp luật và Điều lệ của Công ty. Năm 2018, Công ty đã thực hiện 05 cuộc họp HDQT và 88 cuộc họp khác bằng cách lấy phiếu ý kiến để thực hiện các nghị quyết đại hội, thông qua các kế hoạch

và các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm; hoạch định kế hoạch kinh doanh theo quý, năm; giải quyết các vấn đề về đầu tư phát triển, các định hướng chiến lược và phát triển kinh doanh. Đã ký ban hành 49 Nghị quyết và 65 Quyết định, trong đó:

- 05 Nghị quyết thông qua nội dung phiên họp.
- 44 Nghị quyết liên quan đến dự án đầu tư và góp vốn, tạm ứng cổ tức...
- 30 Quyết định liên quan đến công tác tổ chức nhân sự, tiền lương...
- 35 Quyết định thực hiện nội dung nghị quyết cuộc họp HĐQT, phê duyệt các nội dung liên quan đến dự án đầu tư, ban hành quy chế...
- Sửa đổi bổ sung và ban hành mới 05 quy chế, quy định nội bộ phục vụ yêu cầu quản lý công ty theo đúng quy định của pháp luật hiện hành như Quy chế điều hành công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPIs...

(Chi tiết nội dung các Nghị quyết, Quyết định, Quy chế ban hành trong năm 2018 theo Phụ lục đính kèm)

2. Chi trả cổ tức năm 2017:

Căn cứ vào phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 về chỉ tiêu cổ tức chia cho cổ đông, HĐQT đã chỉ đạo thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông với tỉ lệ 18%.

3. Công tác phối hợp Ban kiểm soát

Phối hợp tốt với Ban Kiểm soát giám sát việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT nhằm duy trì tính an toàn và đảm bảo hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư, Tổng Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, tiến độ dự án đầu tư và các hoạt động khác của đơn vị để Hội đồng quản trị có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc, bộ máy giúp việc còn có các cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có năng lực và tinh thần trách nhiệm với công việc. Trong Công ty có sự đoàn kết nội bộ và sự phối hợp hoạt động nhịp nhàng đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện tạo tiền đề giúp Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã giao.

III. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA HĐQT

1. Đánh giá về tình hình tài chính Công ty

Với tinh thần trách nhiệm trước các cổ đông, người lao động trong Công ty, các bên có quyền lợi liên quan và sự phát triển của Công ty, HĐQT đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc một cách sát sao và kịp thời để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh

năm 2018. Các chỉ tiêu cơ bản về đánh giá tình hình tài chính và khả năng sinh lợi của Công ty như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2017	2018
1	Tài sản ngắn hạn/tổng tài sản	lần	0,24	0,30
2	Tài sản dài hạn/tổng tài sản	lần	0,76	0,70
3	Hệ số nợ/vốn Chủ sở hữu	lần	0,33	0,50
4	Khả năng thanh toán nhanh	lần	6,54	1,84
5	Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	6,69	1,87
6	Tỷ suất lợi nhuận gộp/doanh thu thuần	%	51,9	67,3
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần	%	41,1	53,6
8	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn (ROE)	%	15,4	30,1
9	Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)	%	9,40	16,6
10	Vòng quay tổng tài sản	lần	0,23	0,30

Nhận xét:

- Về cơ cấu nguồn vốn: Tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng lớn so với tài sản ngắn hạn là phù hợp với đặc thù của ngành sản xuất điện. Năm 2018 tỷ trọng tài sản ngắn hạn tăng do Công ty đang thực hiện 2 dự án đầu tư xây dựng.

- Về hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu: Hệ số nợ tăng lên so với năm 2017 do nhận nợ từ Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim và trong năm không trả gốc vay các hợp đồng vay lại từ Tập đoàn do đã trả trước trong năm 2017.

- Khả năng thanh toán: Giảm so với năm 2017. Khả năng thanh toán năm 2017 tăng cao đột biến do đã trả nợ trước hạn nên cuối năm 2017 không có khoản nợ dài hạn đến hạn trả. Cuối năm 2018, chuyển khoản nợ dài hạn đến hạn trả sang ngắn hạn nên nợ ngắn hạn tăng cao và khả năng thanh toán giảm so với năm trước.

- Các chỉ số về khả năng sinh lợi năm 2018 tốt hơn năm 2017 do doanh thu sản xuất điện tăng làm cho lợi nhuận tăng cao.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ của mình một cách cẩn trọng, tập trung hoạch định chiến lược, đưa ra các quyết định chính xác, kịp thời chỉ đạo hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, đảm bảo hài hòa lợi ích của Công ty, Tổng công ty Phát điện 1 và người lao động trong Công ty, tạo nền móng vững chắc cho sự phát triển của Công ty.

Căn cứ điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý điều hành Công ty, HĐQT đã thường xuyên kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát duy trì tính an toàn và hoàn thiện cơ chế hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT cũng đã tham gia vào những hoạt động quan trọng về chiến lược kinh doanh, cơ chế làm việc và một số vấn đề kinh doanh khác.

Hoạt động của HĐQT luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty, đề ra các chủ trương, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn phù hợp, kịp thời; quản trị và giám sát chặt chẽ hoạt động điều hành, hỗ trợ và đảm bảo hiệu quả cao hoạt động điều hành của Tổng giám đốc.

Các nghị quyết, quyết định của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên HĐQT và sự đồng thuận của các cổ đông.

Việc công bố thông tin đảm bảo tính chính xác, kịp thời và tuân thủ các quy định về nội dung.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2019

1. Mục tiêu:

Hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ cổ tức.

Hoàn thành các chỉ tiêu trong đề án nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động; kế hoạch tối ưu hóa chi phí; kế hoạch quản trị rủi ro trong Công ty.

Đẩy nhanh tiến độ khắc phục sạt trượt, phấn đấu hoàn thành toàn bộ dự án và phát điện thương mại chính thức trong năm 2019.

Đảm bảo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi vận hành phát điện thương mại trước 30/6/2019.

Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Hoàn thành công tác bổ sung quy hoạch và triển khai thực hiện chuẩn bị đầu tư dự án trong năm 2019.

Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phương án thoái vốn tại các công ty cổ phần có vốn góp của Công ty trong tháng 6/2019.

2. Nhiệm vụ và giải pháp

Đảm bảo các hoạt động của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ.

Đảm bảo vận hành an toàn, tin cậy các tổ máy phát điện, thiết bị, hệ thống công trình; thực hiện tốt các chỉ số hiệu quả vận hành như: Tỷ lệ điện tự dùng, hệ số khả dụng, tỉ lệ dừng máy sự cố và tỉ lệ dừng máy bảo dưỡng.

Hoàn thành kế hoạch đầu tư:

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim:

+ Phối hợp với TVGS, TVTK và nhà thầu tổ chức khắc phục nhanh chóng sự cố sạt trượt đường hầm, sửa chữa TBM để sớm thi công trở lại;

+ Hoàn thiện các thủ tục điều chỉnh kế hoạch chi phí, nghiệm thu, quyết toán A-B, quyết toán hạng mục.

- Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim giai đoạn 2: Tích cực phối hợp PECC2 giải trình các đề xuất của tỉnh Ninh Thuận để hoàn thiện hồ sơ bổ sung quy hoạch.

- Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi:

+ Tích cực, chủ động phối hợp các nhà thầu thực hiện hoàn thành các hạng mục công việc theo đúng tiến độ hợp đồng.

+ Khẩn trương hoàn thành các hồ sơ xin cấp phép giấy hoạt động điện lực;
+ Chủ động thực hiện đồng thời các công việc để đảm bảo tiến độ đóng điện vận hành đường dây và trạm biến áp 110kV trước 30/4/2019; phát điện trạm Inverter A (20MWp) trước 20/5/2019 và hoàn thành toàn bộ trước ngày 15/6/2019.

- Hạng mục đầu tư phát triển:

+ Triển khai công tác lựa chọn nhà thầu để đáp ứng tiến độ theo kế hoạch.

+ Theo dõi chặt chẽ quá trình thực hiện hợp đồng và tổ chức nghiệm thu, thanh quyết toán đúng quy định.

Chỉ đạo Tổng Giám đốc và Người đại diện phần vốn tại các công ty cổ phần có vốn góp của Công ty xây dựng và trình phương án thoái vốn trong tháng 6/2019.

Tăng cường quản trị tài chính doanh nghiệp, quản lý dòng tiền, đảm bảo đủ vốn cho hoạt động sản xuất và đầu tư các dự án.

HDQT duy trì chế độ họp định kỳ và bất thường để kịp thời chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư năm 2019 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua.

Nhằm tăng cường công tác quản trị tại Công ty, HDQT sẽ từng bước xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản trị theo hướng chuyên nghiệp. Nâng cao vai trò từng thành viên HDQT để kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh của Công ty nhằm đảm bảo tối đa lợi ích của cổ đông.

Phần III

MỘT SỐ CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH CƠ BẢN NĂM 2019

TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch
1.	Sản lượng điện sản xuất	Tr.kWh	2.665
2.	Sản lượng điện thương phẩm	Tr.kWh	2.640
3.	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.717.996
4.	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.024.696
5.	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	693.300
6.	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	555.307

2. Chỉ tiêu đầu tư:

2.1. Đầu tư xây dựng: 992.803 triệu đồng

2.2. Đầu tư phát triển: 72.220 triệu đồng.

3. Chỉ tiêu cổ tức: 12%

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Oánh

Phụ lục I:
DANH MỤC CÁC NGHỊ QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2018
Đính kèm Báo cáo số 42/BC-TĐĐHĐ ngày 24 tháng 04 năm 2019

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
1	03/QĐ-TĐĐHĐ	01-03-18	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu tổng thể dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
2	06/NQ-TĐĐHĐ	01-11-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết Vv thông qua hợp đồng mua bán điện bổ sung số 01	
3	08/QĐ-TĐĐHĐ	16/01/2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành quy chế nâng lương lần 2	
4	12/NQ-TĐĐHĐ	25-01-2018	Hợp	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị phiên họp lần 1 năm 2018	
5	14/QĐ-TĐĐHĐ	26-01-2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành Quy chế điều hành công ty (lần 2)	
6	17/NQ-TĐĐHĐ	02-01-18	Lấy ý kiến	NQ Về việc tạm ứng 25.000 USD cho ADB	
7	18/QĐ-TĐĐHĐ	02-01-18	Lấy ý kiến	QĐ Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Lập hồ sơ thiết kế, hiệu chỉnh lại thỏa thuận hệ thống SCADA/EMS Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi sau khi chuyển đổi truyền tín hiệu từ RTU sang sử dụng gate way theo IEC 60870.5.104”	
8	20/QĐ-TĐĐHĐ	02-07-18	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
9	21/NQ-TĐĐHĐ	02-12-18	Lấy ý kiến	NQ Về việc giao phụ trách Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật	
10	22/QĐ-TĐĐHĐ	02-12-18	Lấy ý kiến	QĐ Về việc giao phụ trách Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Chi nhánh Công ty CP thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi	
11	23/QĐ-TĐĐHĐ	02-12-18	Lấy ý kiến	QĐ Về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công thực hiện các hợp đồng cung cấp dịch vụ kỹ thuật năm	
12	25/QĐ-TĐĐHĐ	26-02-2018	Lấy ý kiến	QĐ về việc phê duyệt quyết toán tiền nhân công sửa chữa lớn tự làm năm 2017	
13	26/NQ-TĐĐHĐ	28-02-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc ban hành Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPI	
14	28/NQ-TĐĐHĐ	15-03-2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc ban hành Quy chế khen thưởng hiệu quả công việc nhân viên theo hệ thống KPI	
15	32/NQ-TĐĐHĐ	19-03-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc thông qua phụ lục hợp đồng số 3 Gói thầu số 12.01-(DNE-D1) thuộc Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
16	33/NQ-TĐĐHĐ	19-03-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2017 cho Tổng Công ty Phát điện 1	
17	37/NQ-TĐĐHĐ	22-03-2018	Hợp	Nghị quyết Hợp Hội đồng quản trị phiên họp lần 02 năm 2018	
18	38/HĐ-TĐĐHĐ	22-03-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua thời gian chốt danh sách cổ đông và tổ chức ĐHCĐ thường niên 2018	
19	45/NQ-TĐĐHĐ	04-05-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại ĐHCĐ thường niên năm 2018 của CTCP Thủy điện Hạ Sông Pha	
20	46/QĐ-TĐĐHĐ	04-06-18	Lấy ý kiến	Quyết định kiện toàn bộ máy Ban QLDA MR NMTĐ Đa Nhim	
21	47/QĐ-TĐĐHĐ	04-06-18	Lấy ý kiến	Quyết định bổ nhiệm Giám đốc Ban QLDA MR NMTĐ Đa Nhim đối với ông Nguyễn Đình Chiến	
22	49/NQ-TĐĐHĐ	04-10-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc tuyển dụng lao động thay thế năm 2018	
23	58/NQ-TĐĐHĐ	13-02-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết tạm ứng cổ tức 2017 lần 2	
24	59/NQ-TĐĐHĐ	24-04-2018	Hợp	Nghị quyết họp HĐQT lần 3 năm 2018	
25	69/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
26	70/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định phê duyệt KH tiền lương năm 2018 của người lao động	
27	71/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện năm 2017 của người quản lý	
28	72/QĐ-TĐĐHĐ	27-04-2018	Lấy ý kiến	Quyết định phê duyệt tiền lương, thù lao, tiền thưởng kế hoạch N.2018 của người quản lý Công ty	
29	74/NQ-TĐĐHĐ	05-04-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Mua bán điện sửa đổi bổ sung số 07	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
30	77/QĐ-TĐĐHĐ	05-07-18	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu đầu tư phát triển năm 2018”	
31	78/NQ-TĐĐHĐ	05-10-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết Thông qua lựa chọn ngân hàng tài trợ vốn cho dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
32	79/QĐ-TĐĐHĐ	05-07-18	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2018 (Đợt 2)”	
33	84/NQ-TĐĐHĐ	15-05-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết Về việc tạm ứng trước cổ tức năm 2017 lần 2 cho Tổng Công ty Phát điện 1	
34	86/NQ-TĐĐHĐ	29-05-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao neo Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
35	87/NQ-TĐĐHĐ	29-05-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	
36	88/HĐ-TĐĐHĐ	29-05-2018	Thực hiện Nghị quyết số 87/NQ-	Quyết định về việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty	
37	93/NQ-TĐĐHĐ	13-06-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc chi cổ tức lần 3 năm 2017	
38	94/NQ-TĐĐHĐ	19-06-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua Hợp đồng Gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV thuộc Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
39	95/QĐ-TĐĐHĐ	18-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định phê duyệt quỹ tiền lương SXĐ thực hiện năm 2017 của người lao động	
40	96/QĐ-TĐĐHĐ	26-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu: Kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2018	
41	97/QĐ-TĐĐHĐ	27-06-2018	Lấy ý kiến	QĐ việc Áp dụng Quy chế quản lý tài sản và nguồn vốn trong Tập đoàn Điện lực Quốc gia Việt Nam	
42	98/NQ-TĐĐHĐ	28-06-2018	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc chi trả trước cổ tức lần 3 năm 2017 cho EVNGENCO 1	
43	100/HĐ-TĐĐHĐ	28-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định khen thưởng Ban QL điều hành Công ty năm 2017	
44	102/QĐ-TĐĐHĐ	28-06-2018	Lấy ý kiến	Quyết định ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (lần 3)	
45	103/NQ-TĐĐHĐ	07-04-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
46	104/NQ-TĐĐHĐ	07-03-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (lần 3)	
47	105/QĐ-TĐĐHĐ	07-04-18	Lấy ý kiến	QĐ Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, giai đoạn 2” Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
48	106/QĐ-TĐĐHĐ	07-10-18	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
49	107/NQ-TĐĐHĐ	07-10-18	Lấy ý kiến	Nghị quyết về việc lựa chọn ngân hàng mở L/C và nguồn vốn để tạm ứng các gói thầu của Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
50	109/QĐ-TĐĐHĐ	25-07-2018	Lấy ý kiến	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu Thẩm tra thiết kế giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối năm 2018 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
51	103/NQ-TĐĐHĐ	04/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
52	104/NQ-TĐĐHĐ	03/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động Ban Quản lý dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (lần 3)	
53	105/QĐ-TĐĐHĐ	04/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	QĐ Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: “Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi, giai đoạn 2” Dự án: Nâng cấp hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
54	106/QĐ-TĐĐHĐ	10/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt danh mục sửa chữa lớn tài sản cố định năm 2019 của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
55	107/NQ-TĐĐHĐ	10/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc lựa chọn ngân hàng mở L/C và nguồn vốn để tạm ứng các gói thầu của Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
56	109/QĐ-TĐĐHĐ	25/07/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu Thẩm tra thiết kế giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối năm 2018 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
57	111/NQ-TĐĐHĐ	27/07/2018	Họp	Nghị quyết họp HĐQT lần 4	
58	118/QĐ-TĐĐHĐ	06/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc thông qua Thiết kế kỹ thuật - Dự toán và phê duyệt hạng mục “Giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Tổ máy 5 vào cuối năm 2018” vào kế hoạch năm 2018 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
59	119/QĐ-TĐĐHĐ	06/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định thành lập Ban chỉ đạo triển khai, giám sát thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 5 năm 2016-2020 của Công ty	
60	120/QĐ-TĐĐHĐ	13/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu Hạng mục: Giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Tổ máy 5 vào cuối năm 2018 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
61	121/QĐ-TĐĐHĐ	13/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định ban hành quy định làm việc của Ban chỉ đạo triển khai và giám sát thực hiện Kế hoạch SXKD và ĐTPT 5 năm 2016-2020	
62	129/NQ-TĐĐHĐ	31/08/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua hợp đồng Gói thầu: Cung cấp, lắp đặt hệ thống quản lý, giám sát an toàn công trình Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (giai đoạn 2)	
63	131/QĐ-TĐĐHĐ	05/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Các gói thầu sửa chữa lớn năm 2018 (Đợt 3)”	
64	132/QĐ-TĐĐHĐ	13/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu bổ sung đợt 3 Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
65	133/NQ-TĐĐHĐ	14/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua việc giới thiệu nhân sự ứng cử thanh viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	
66	135/NQ-TĐĐHĐ	14/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua tiến độ dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi và thông qua tiến độ giải pháp phát điện dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim; Giải pháp đảm bảo tiến độ đào hầm bằng TBM	
67	135.1/NQ-TĐĐHĐ	18/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc ký Phụ lục số 4 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 Gói thầu số 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính	
68	136/NQ-TĐĐHĐ	21/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua chủ trương chuyển giao thực hiện hợp đồng các hạng mục đồng bộ và kiến trúc nhà máy đảm bảo tiến độ phát điện tổ máy 5 vào cuối năm 2018 Gói thầu 12.01- Công tác xây dựng và kiến trúc công trình chính Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
69	137/NQ-TĐĐHĐ	27/09/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua việc giới thiệu nhân sự ứng cử thanh viên Ban kiểm soát và chốt danh sách cổ đông để tổ chức Đại hội cổ đông bất thường	
70	142/NQ-TĐĐHĐ	05/10/2018	Họp	Nghị quyết cuộc họp HĐQT lần 5 năm 2018	
71	145/NQ-TĐĐHĐ	16/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 1 của hợp đồng số 133/DHD- HDEC&CHINT&SINOHYDRO ngày 04/07/2018 Gói thầu DMS-8: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm thiết bị quang điện Dự án nhà máy điện	
72	147/QĐ-TĐĐHĐ	17/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt kế hoạch chi phí ADB thuê tư vấn đánh giá dự án và chi phí cho nhân viên của ADB đi lại tham gia đánh giá dự án thuộc Dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
73	151/QĐ-TĐĐHĐ	22/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quy định thể lệ biểu quyết tại Đại hội cổ đông bất thường năm 2018	
74	152/QĐ-TĐĐHĐ	24/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc bổ sung danh mục sửa chữa lớn năm 2018 “Xử lý sạt lở và đảm bảo thoát nước công trình thủy công Đa Nhim”	
75	154/NQ-TĐĐHĐ	26/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc sử dụng vốn đối ứng thanh toán các gói thầu của Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
76	156/NQ-TĐĐHĐ	29/10/2018	Xin ý kiến bằng VB	NQ về việc ký Phụ lục số 5 của Hợp đồng số 368/DHD-CC47 ngày 09/12/2015 Gói thầu số 12.01- (DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính	
77	163/NQ-TĐĐHĐ	09/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua việc chuyển giao và phê duyệt kế hoạch thực hiện các khối lượng còn lại thuộc hạng mục Bill K-Công tác kiến trúc Gói thầu 12.01-(DNE-D1): Công tác xây dựng kiến trúc công trình chính Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
78	164/NQ-TĐĐHĐ	09/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua định mức sửa chữa lớn thiết bị cơ - thủy lực Nhà máy thủy điện Hàm Thuận	
79	165/NQ-TĐĐHĐ	09/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc tạm ứng cổ tức năm 2018	
80	166/NQ-TĐĐHĐ	13/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc ban hành Quy chế phân phối tiền lương SXKD khác	
81	167/QĐ-TĐĐHĐ	13/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
82	168/QĐ-TĐĐHĐ	14/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định ban hành quy chế phân phối tiền lương SXKD khác	

Stt	Ký hiệu	Ngày ban hành	Hình thức	Nội dung	Ghi chú
83	170/QĐ-TĐĐHĐ	15/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh Hệ thống thang lương bảng lương và chế độ phụ cấp lương	
84	171/NQ-TĐĐHĐ	15/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết Về việc thông qua Phụ lục D của hợp đồng số 53/2016/HĐTV-TĐĐHĐ-TVĐ2 Gói thầu: Mô tả địa chất hồ móng Dự án: Mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
85	172/QĐ-TĐĐHĐ	26/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định danh sách quy hoạch cán bộ trong Công ty	
86	173/QĐ-TĐĐHĐ	29/11/2018	Xin ý kiến bằng VB	QĐ v/v ban hành Quy chế hoạt động Ban Chi đạo về phòng, chống tham nhũng Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	
87	176/NQ-TĐĐHĐ	06/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phương án kiện toàn mô hình tổ chức và bố trí, sắp xếp lao động trong Công ty	
88	177/NQ-TĐĐHĐ	06/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua Phụ lục số 1 của Hợp đồng số 115/ DHD-NARIME&QIHUA ngày 29/5/2018 về việc thực hiện hợp đồng gói thầu DMS-9: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt và thử nghiệm hệ thống phao và neo Dự án	
89	178/QĐ-TĐĐHĐ	10/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	QĐ về việc mua trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	
90	179/QĐ-TĐĐHĐ	10/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Quyết định về việc thành lập Tổ Thẩm định chương trình thí nghiệm chạy thử và vận hành khai thác tổ máy H5 theo giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
91	180/NQ-TĐĐHĐ	12/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc thông qua chương trình thí nghiệm chạy thử và vận hành khai thác tổ máy theo giải pháp đảm bảo tiến độ phát điện Dự án mở rộng nhà máy thủy điện Đa Nhim	
92	181/NQ-TĐĐHĐ	12/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	NQ thông qua Kế hoạch kiện toàn mô hình tổ chức và bố trí, sắp xếp lao động trong Công ty	
93	183/NQ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc giải ngân vượt kế hoạch năm 2018 Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	
94	184/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định thành lập Phòng Hành chính và Lao động	
95	185/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giải thể Phòng Đầu tư Xây dựng	
96	186/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	
97	187/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phân xưởng Vận hành Hàm Thuận-Đa Mi	
98	188/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phân xưởng Vận hành Đa Nhim-Sông Pha	
99	189/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phòng Vận hành-Thị trường điện	
100	190/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phòng Kỹ thuật và An toàn	
101	191/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức của Phòng Tài chính và Kế toán	
102	192/QĐ-TĐĐHĐ	24/12/2018	Thực hiện Nghị quyết số 176/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định kiện toàn tổ chức Phòng Kế hoạch và Vật tư	
103	195/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Trung tâm Dịch vụ Kỹ thuật	
104	196/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phòng Vận hành-Thị trường điện	
105	197/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phòng Kỹ thuật An toàn	
106	198/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phân xưởng Vận hành ĐN-SP	
107	199/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ Quản lý Phòng Tài chính và Kế toán đối với bà Phạm Thị Hồng Hà từ ngày 1/1/2019	
108	200/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ quản lý Phân xưởng vận hành Hàm Thuận - Đa Mi đối với ông Trần Văn Lợi từ ngày 1/1/2019	
109	201/QĐ-TĐĐHĐ	27/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định Giao nhiệm vụ quản lý Phòng Kế hoạch và Vật tư đối với ông Phạm Hoàng Hải từ ngày 1/1/2019	
110	202/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Trưởng phòng Tổ chức Lao động đối với ông Lê Thành Cẩm từ ngày 1/1/2019	
111	203/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định miễn nhiệm chức vụ Chánh văn phòng đối với ông Trịnh Quang Tiến Phước từ ngày 1/1/2019	
112	204/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định giao nhiệm vụ Thư ký Hội đồng quản trị đối với ông Nguyễn Ngọc Tuấn từ ngày 1/1/2019	
113	205/QĐ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Nghị quyết số 181/NQ-TĐĐHĐ	Quyết định thôi nhiệm vụ Thư ký Công ty đối với ông Trịnh Quang Tiến Phước từ ngày 1/1/2019	
114	206/NQ-TĐĐHĐ	28/12/2018	Xin ý kiến bằng VB	Nghị quyết về việc phê duyệt Phụ lục số 1 của Hợp đồng số 126/2018/EPC-TĐĐHĐ-PCC1-AIT-ATS ngày 21/06/2018 về việc thực hiện gói thầu DMS-10: Thiết kế, cung cấp, lắp đặt, thử nghiệm trạm và đường dây 110kV Dự án nhà máy điện mặt trời Đa Mi	

Lâm Đồng, ngày 23 tháng 04 năm 2019

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2019

Thực hiện theo chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 về hoạt động kiểm soát năm 2018, tình hình và kết quả SXKD của Công ty và kết quả giám sát hoạt động Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc của cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi năm 2018 như sau:

I. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA BAN KIỂM SOÁT:

Trong năm 2018, Ban kiểm soát Công ty đã triển khai làm việc theo kế hoạch đề ra, làm việc trung thực, cẩn trọng và khách quan vì lợi ích của Công ty và các cổ đông, tuân thủ đúng quy định của Luật DN và Điều lệ Công ty DHD. Kết quả hoạt động như sau:

1. Thực hiện đầy đủ chế độ làm việc, tuân thủ chế độ báo cáo theo Quy chế: Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ tất cả các cuộc họp của ĐHĐCĐ và Hội đồng quản trị Công ty, qua đó nắm bắt chủ trương và chỉ đạo của HĐQT, giám sát hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và Ban TGD, phối hợp với Ban điều hành nhằm nâng cao công tác quản trị trong Công ty phấn đấu đạt các mục tiêu ĐHCĐ năm 2018.

2. Hoàn thành chương trình, nhiệm vụ kiểm soát hàng năm: Sau ĐHCĐ thường niên năm 2018, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, chương trình kiểm soát. Theo đó trong năm 2018, Ban kiểm soát thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần đối với các hoạt động của Công ty.

Sau mỗi đợt kiểm soát, Ban kiểm soát đều có báo cáo kết quả kiểm soát cùng các kiến nghị cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành của công ty (thể hiện trong Biên bản và Báo cáo kiểm soát năm 2018) nhằm thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ và đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG VÀ THẨM TRA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2018 CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018:

Ban kiểm soát nhất trí với các nội dung trong Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2018 và kế hoạch năm 2018 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

Stt	Nội dung	Đvt	Kế hoạch 2018	Thực hiện 2018	TH/KH (%)
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	1.615,8	2.488,9	154
2	Tổng chi phí	Tr.đồng	938,4	889,7	94,8
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	677,4	1.599,2	236
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	541,8	1.282,5	237
5	Cổ tức	%	10	22	220

2. Kết quả thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2018

2.1 Đánh giá chung:

Báo cáo tài chính năm 2018 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo quy định hiện hành. Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ theo đúng quy định. Các tờ kê khai thuế được lập đúng thời hạn quy định hiện hành.

Theo ý kiến của Kiểm toán viên độc lập – Công ty TNHH KPMG, Báo cáo tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Ban Kiểm soát thống nhất với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty.

2.2 Một số nội dung chủ yếu trong BCTC tại thời điểm 31/12/2018

2.2.1 Báo cáo tài chính riêng:

1. Tài sản ngắn hạn	:	2.579,8 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	6.088,6 tỷ đồng
Tổng cộng tài sản	:	8.668,4 tỷ đồng
3. Nợ phải trả	:	2.889,7 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.778,7 tỷ đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	8.668,4 tỷ đồng

2.2.2 Báo cáo tài chính hợp nhất:

1. Tài sản ngắn hạn	:	2.596,3 tỷ đồng
2. Tài sản dài hạn	:	6.464,9 tỷ đồng
Tổng cộng tài sản	:	9.061,2 tỷ đồng
3. Nợ phải trả	:	3.218,8 tỷ đồng
4. Vốn chủ sở hữu	:	5.842,4 tỷ đồng
Tổng cộng nguồn vốn	:	9.061,2 tỷ đồng

2.3. Một số chỉ tiêu tài chính cơ bản

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	76	70
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	24	30
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Vốn CSH	%	33	50
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	25	33
	Nguồn vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	75	67
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	lần	6,54	1,84
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	6,67	1,87
4	Hiệu quả			
	Tỷ suất LNST /VCSH	%	15,36	30,06
	Tỷ suất LNST/Doanh thu	%	37,95	51,53

Phân tích các chỉ số tài chính cơ bản năm 2018 cho thấy:

- Hệ số Tài sản dài hạn/Tổng tài sản năm 2018 là 70% tăng so với năm 2017. Nguyên nhân chủ yếu do giá trị đầu tư xây dựng cơ bản dở dang trong năm phát sinh nhiều làm cho hệ số này tăng lên.

- Các chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn như: Hệ số nợ phải trả trên tổng nguồn vốn, hệ số vốn chủ sở hữu trên tổng nguồn vốn đều tăng so với cuối năm 2017 do một số nguyên nhân chủ yếu: Ghi nhận các khoản nợ nhà thầu chưa đến thời hạn thanh toán và khoản vay thực hiện dự án Đa Nhim mở rộng và dự án Điện mặt trời Đa Mi; ghi nhận khoản tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 và khoản thuế phải nộp tăng do kết quả kinh doanh thuận lợi.

- Các hệ số về khả năng thanh toán hiện hành, khả năng thanh toán nhanh cả Công ty đều thấp hơn cuối năm 2017 do Công ty đã ghi nhận số dư vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2019 (năm 2018 Công ty không hạch toán khoản vay dài hạn đến hạn trả do đã trả trước vào năm 2017). Tuy nhiên các hệ số này vẫn ở mức cao cho thấy tình hình tài chính vẫn lành mạnh của Công ty.

Tóm lại: Mặc dù các chỉ số tài chính của năm 2018 không tốt bằng năm 2017 nhưng tình hình tài chính của Công ty vẫn lành mạnh, đã bảo toàn và phát triển vốn.

Ban kiểm soát kiến nghị Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 thông qua các số liệu tài chính của Công ty như kết quả BKS công ty đã thẩm tra xem xét.

3. Kết quả giám sát hoạt động của HĐQT và Ban TGD

Trong năm 2018, HĐQT đã giám sát chỉ đạo chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. HĐQT đã phối hợp tốt cùng với Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành toàn diện mọi hoạt động của Công ty góp phần hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh do ĐHĐCĐ 2018 đề ra.

Trong năm 2018 HĐQT đã tiến hành họp 5 lần đề ra các Nghị quyết nhằm thực hiện nhiệm vụ kế hoạch do ĐHĐCĐ giao và 88 lượt xin ý kiến bằng văn bản đề ra các Nghị quyết, quyết định về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư tuân thủ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

Nhìn chung, trong năm 2018 Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của ĐHĐCĐ đề ra, các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHĐCĐ đề ra năm 2018 Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức.

III. KIẾN NGHỊ

Năm 2018, HĐQT và Ban TGD Công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác chỉ đạo, điều hành, chấp hành tốt các quy định của pháp luật, EVN/EVNGENCO1, hoàn thành vượt mức cổ tức kế hoạch mà ĐHĐCĐ thường niên 2018 đề ra. Qua công tác giám sát, kiểm tra Ban Kiểm soát có một số kiến nghị như sau:

1. Đối với Dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim:

- Bám sát Bộ Công thương xem xét chấp thuận việc điều chỉnh tiến độ dự án do ảnh hưởng của việc tiến độ đào hầm bằng TBM kéo dài.
- Phối hợp với Ban quản lý dự án, nhà thầu, TVGS và các cơ quan liên quan tìm kiếm các giải pháp khắc phục khó khăn để sớm hoàn thành toàn bộ dự án.
- Rà soát hồ sơ, chi phí để chuẩn bị cho công tác quyết toán dự án.

2. Đối với dự án điện mặt trời Đa Mi:

- Bám sát các cơ quan có thẩm quyền sớm thông qua phương án vay vốn để thực hiện dự án.
- Tiếp tục phối hợp với địa phương vận động các hộ dân chấp thuận phương án đền bù, bàn giao toàn bộ mặt bằng cho dự án.
- Đôn đốc các nhà thầu huy động nhân lực, máy móc, phương tiện, đẩy nhanh tiến độ đảm bảo dự án phát điện trong Quý II/2019.
- Có phương án bố trí nhân sự; đào tạo tiếp quản dự án Điện mặt trời Đa Mi khi hoàn thành đưa vào khai thác vận hành an toàn, hiệu quả.

3. Tiếp tục hoàn thiện công tác mua sắm vật tư thiết bị, khắc phục các tồn tại Ban kiểm soát đã nêu trong các biên bản kiểm soát.

4. Tăng cường công tác quản lý việc mua sắm, sử dụng vật tư thiết bị trong năm 2019 để giảm lượng hàng tồn kho cuối năm.

IV. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2018

Năm 2019, Ban kiểm soát tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm soát định kỳ mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Giám sát việc chấp hành và thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2019, phối hợp và giám sát hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đảm bảo các hoạt động của Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, đảm bảo lợi ích của cổ đông và quyền lợi của người lao động.

Nhằm thực hiện tốt mục tiêu trong năm 2019, Ban kiểm soát phấn đấu thực hiện tốt các nhiệm vụ cụ thể như sau:

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời.
- Thực hiện kiểm soát định kỳ 6 tháng/lần theo quy định.
- Nắm bắt các cơ chế, chính sách mới nhằm kiến nghị sửa đổi, bổ sung những vấn đề còn chưa phù hợp, giảm thiểu những rủi ro trong việc điều hành, quản lý hoạt động của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban TGD;
- TV BKS;
- Lưu.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Ngô Thế Long

BAN KIỂM SOÁT

Lâm Đồng, ngày 22 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

V/v lựa chọn công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi;

Để phục vụ cho công tác kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 được kịp thời, Ban kiểm soát kính đề nghị Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH KPMG là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty.

Công ty TNHH KPMG là công ty kiểm toán có uy tín, đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty từ năm 2016 đến nay.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Lưu VT.

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Ngô Thế Long

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua Báo cáo tài chính 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Căn cứ Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

HDQT Công ty báo cáo các chỉ số cơ bản của báo cáo tài chính năm 2018 như sau:

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.780.751	2.579.793
2. Tài sản dài hạn	5.549.785	6.088.580
Tổng cộng tài sản	7.330.536	8.668.373
3. Nợ phải trả	1.810.499	2.889.649
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.520.037	5.778.724
Tổng cộng nguồn vốn	7.330.536	8.668.373

Tổng tài sản năm 2018 tăng so với năm 2017 khoảng 1.338 tỉ đồng, nguyên nhân chủ yếu do Công ty đầu tư hai dự án mở rộng NMTĐ Đa Nhim và dự án Nhà máy điện mặt trời Đa Mi nên tổng nợ và tài sản đều tăng.

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 2.451.845 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 889.780 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.599.210 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.282.464 triệu đồng.

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. Các chỉ tiêu cơ bản của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018

Chỉ tiêu	Số đầu năm (triệu đồng)	Số cuối năm (triệu đồng)
1. Tài sản ngắn hạn	1.802.308	2.596.281
2. Tài sản dài hạn	5.871.980	6.464.945
Tổng cộng tài sản	7.674.288	9.061.226
3. Nợ phải trả	2.089.154	3.218.828
4. Nguồn vốn chủ sở hữu	5.534.752	5.791.626
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	50.381	50.772
Tổng cộng nguồn vốn	7.674.288	9.061.226

2. Các chỉ tiêu cơ bản của báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018

- Tổng doanh thu: 2.530.027 triệu đồng.
- Tổng chi phí: 929.058 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN: 1.600.969 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN: 1.285.177 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát: 4.065 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty mẹ: 1.281.112 triệu đồng.

Chi tiết trong báo cáo tài chính đính kèm.

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, TCKT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trọng Oánh



**Công ty Cổ phần Thủy điện
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010

Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số** 5800452036 ngày 18 tháng 5 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trọng Oánh	Chủ tịch
Ông Lê Văn Quang	Thành viên
Ông Đỗ Minh Lộc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Quang	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Minh Lộc	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Chiến	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Ban Kiểm soát

Ông Ngô Thế Long	Trưởng ban
Ông Hoàng Văn Long	Thành viên
Bà Hoàng Thị Thanh Hương	Thành viên (từ ngày 8 tháng 11 năm 2018)
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên (đến ngày 8 tháng 11 năm 2018)

Trụ sở đăng ký

80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn
Thành phố Bảo Lộc
Tỉnh Lâm Đồng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

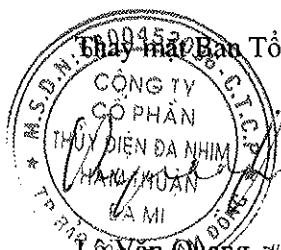
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 41 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.


Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 41.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(a)(ii) trong báo cáo tài chính riêng. Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) của báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00449-19-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.579.793.361.416	1.780.751.676.104
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	204.298.952.146	449.971.259.198
Tiền	111		104.298.952.146	38.928.453.379
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	411.042.805.819
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.136.444.857.992	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.136.444.857.992	268.817.781.781
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.197.720.245.803	1.025.882.117.491
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	693.536.374.565	966.769.388.835
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.164.876.124	12.654.469.749
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	200.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	90.065.745.114	46.505.008.907
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(46.750.000)	(46.750.000)
Hàng tồn kho	140	8	41.015.918.687	35.742.582.355
Hàng tồn kho	141		41.015.918.687	35.742.582.355
Tài sản ngắn hạn khác	150		313.386.788	337.935.279
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	299.627.449	324.175.940
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15(b)	13.759.339	13.759.339

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.088.579.609.847	5.549.784.700.388
Các khoản phải thu dài hạn	210		599.932.824.894	964.420.123.321
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	164.487.298.427
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	599.932.824.894	799.932.824.894
Tài sản cố định	220		3.566.516.626.532	3.740.754.517.876
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.565.527.923.133	3.739.612.930.673
Nguyên giá	222		12.204.110.602.293	12.151.657.826.825
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.638.582.679.160)	(8.412.044.896.152)
Tài sản cố định vô hình	227	11	988.703.399	1.141.587.203
Nguyên giá	228		1.528.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(540.134.658)	(387.250.854)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.642.264.628.702	620.551.344.611
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.642.264.628.702	620.551.344.611
Đầu tư tài chính dài hạn	250		256.019.200.000	182.266.299.385
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	112.000.000.000	112.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	32.679.200.000	32.679.200.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5(b)	-	(4.772.900.615)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	73.980.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		23.846.329.719	41.792.415.195
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	23.846.329.719	41.792.415.195
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		8.668.372.971.263	7.330.536.376.492

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.889.648.547.677	1.810.499.391.834
Nợ ngắn hạn	310		1.376.149.166.379	266.792.177.512
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	302.541.500.294	36.643.307.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.085.269.594	1.126.431.388
Thuế và các khoản khác phải nộp				
Nhà nước	313	15(a)	272.706.109.688	182.443.021.202
Phải trả người lao động	314		22.256.422.000	25.579.099.929
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	13.400.273.931	14.119.491.486
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	211.681.801.970	432.356.558
Vay ngắn hạn	320	18(a)	548.042.895.691	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	4.434.893.211	6.448.469.709
Nợ dài hạn	330		1.513.499.381.298	1.543.707.214.322
Phải trả người bán dài hạn	331	14	95.970.720.475	44.361.088.013
Phải trả dài hạn khác	337		3.956.393.122	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.413.572.267.701	1.499.346.126.309
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.778.724.423.586	5.520.036.984.658
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.778.724.423.586	5.520.036.984.658
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		128.754.171.541	74.872.484.114
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(48.049.098.769)	(13.698.103.037)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.446.441.797	44.328.129.224
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.468.572.909.017	1.190.534.474.357
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		397.309.395.907	535.454.564.938
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.071.263.513.110	655.079.909.419
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		8.668.372.971.263	7.330.536.376.492

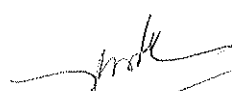
Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

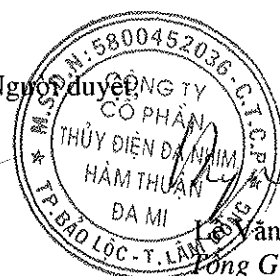


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.338.613.157.575	1.593.214.662.682
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	765.131.361.575	765.939.858.102
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.573.481.796.000	827.274.804.580
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	150.254.243.091	132.631.361.916
Chi phí tài chính	22	28	67.563.308.810	93.841.368.617
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		29.129.041.576	37.231.753.459
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	56.011.199.368	51.761.201.545
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		1.600.161.530.913	814.303.596.334
Thu nhập khác	31		123.105.870	426.344.546
Chi phí khác	32		1.074.481.972	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(951.376.102)	426.344.546
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.599.210.154.811	814.729.940.880
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	316.746.641.701	159.650.031.461
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		1.282.463.513.110	655.079.909.419

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

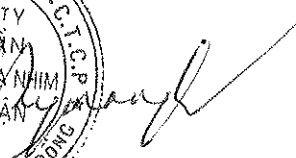
Người lập:



Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:





Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng

Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.599.210.154.811	814.729.940.880
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		226.690.666.812	289.310.787.472
Các khoản dự phòng	03		(4.772.900.615)	4.819.650.615
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.207.167.849	28.591.287.882
Lãi tiền gửi	05		(126.713.267.191)	(115.496.337.013)
Cổ tức được chia	05		(23.540.975.900)	(16.738.580.740)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		-	(307.425.454)
Chi phí lãi vay	06		29.129.041.576	37.231.753.459
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.743.209.887.342	1.042.141.077.101
Biến động các khoản phải thu	09		247.863.653.063	(717.420.879.022)
Biến động hàng tồn kho	10		(5.273.336.332)	51.486.274.545
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		13.338.550.282	57.495.118.161
Biến động chi phí trả trước	12		17.970.633.967	(38.658.920.608)
			2.017.109.388.322	395.042.670.177
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(49.086.863.046)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.848.847.686)	(184.315.580.405)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(19.918.654.948)	(16.866.182.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.801.341.885.688	144.774.043.943

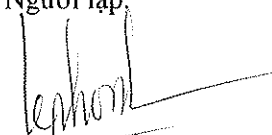
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(843.226.577.966)	(331.788.937.041)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	307.425.454
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23		(1.428.788.746.881)	(445.838.770.100)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24		494.817.781.781	1.612.266.239.651
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(6.200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		39.671.583.701	65.874.886.147
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(1.737.525.959.365)	894.620.844.111
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		377.837.896.353	405.823.885.387
Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(696.812.309.001)
Tiền trả cổ tức	36		(687.326.129.728)	(349.406.129.728)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		(309.488.233.375)	(640.394.553.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(245.672.307.052)	399.000.334.712
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		449.971.259.198	50.981.654.199
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(10.729.713)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	204.298.952.146	449.971.259.198

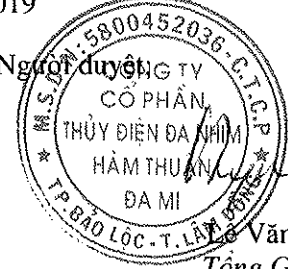
Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng

Người duyệt:


Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2018: 4.224.000.000.000 VND).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018, Công ty có cấu trúc như sau:

- 7 phòng ban;
- 2 phân xưởng sản xuất;
- Trung tâm dịch vụ kỹ thuật – đơn vị bảo dưỡng và sửa chữa các thiết bị điện, các công trình thủy công của nhà máy thủy điện;
- Ban Quản lý Dự án Mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim – đơn vị quản lý giai đoạn đầu tư mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con và 1 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 255 nhân viên (1/1/2018: 264 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là “Nhóm Công ty”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: chi phí tài chính sẽ tăng 21.029.241.492 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.205.848.298 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.823.393.194 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 38.439.279.015 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 13.698.103.037 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 2.739.620.607 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 10.958.482.430 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Tiền mặt	323.351.825	175.045.962
Tiền gửi ngân hàng	103.975.600.321	38.753.407.417
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	411.042.805.819
	204.298.952.146	449.971.259.198

Khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 4,1% và 5,5% (2017: lần lượt là 0,0% và 6,6%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số lượng	Giá gốc VND	Số lượng	Giá gốc VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		1.136.444.857.992		268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		66.000.000.000		-
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000	500	5.000.000.000
		73.980.000.000		5.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7% trong năm (2017: 6% đến 6,6% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 7% trong năm (2017: không).

(*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2017: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2017: không), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018					1/1/2018				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND
Đầu tư vào công ty con										
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (i)	11.200.000	70%	70%	112.000.000.000	-	(*)	11.200.000	71,8%	70%	112.000.000.000
										(*)
Đầu tư vào công ty liên kết										
▪ Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (ii)	3.267.920	20%	20%	32.679.200.000	-	(*)	3.267.920	20%	20%	32.679.200.000
										(*)
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	78.661.604.500	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	33.280.000.000	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000
				37.360.000.000	-					37.360.000.000
				182.039.200.000	-					182.039.200.000
										(4.772.900.615)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha (“Hạ Sông Pha”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4500407954 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 28 tháng 12 năm 2009. Hoạt động chính của Hạ Sông Pha là xây dựng các công trình thủy điện, phong điện và các công trình nhà máy điện khác; sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	4.772.900.615	-
Trích lập dự phòng trong năm	-	4.772.900.615
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(4.772.900.615)	-
Số dư cuối năm	-	4.772.900.615

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Các khách hàng khác	3.283.351.795	3.513.014.685
	693.536.374.565	966.769.388.835

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	414.682.242	1.107.867.130
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	7.604.300

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.746.011.560	45.393.333.553
Cổ tức được chia	5.600.000.000	-
Phải thu khác	9.719.733.554	1.111.675.354
	90.065.745.114	46.505.008.907

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Nguyên vật liệu	38.632.847.014	34.299.358.113
Công cụ và dụng cụ	552.002.186	547.232.593
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.831.069.487	895.991.649
	41.015.918.687	35.742.582.355

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2018 VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	31/12/2018 VND
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)		- 200.000.000.000		- 200.000.000.000

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay dài hạn	799.932.824.894	799.932.824.894
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	(200.000.000.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	599.932.824.894	799.932.824.894

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2020	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2020	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 9%/năm (2017: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.000.459.198.938	4.046.449.780.280	60.478.725.962	44.016.241.138	253.880.507	12.151.657.826.825
Tăng trong năm	-	2.073.925.000	-	-	-	2.073.925.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.427.374.999	37.951.475.469	-	-	-	50.378.850.468
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	8.012.886.573.937	4.087.541.587.349	59.412.319.362	44.016.241.138	253.880.507	12.204.110.602.293
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.356.232.806.872	3.969.057.153.825	44.558.124.277	41.942.930.671	253.880.507	8.412.044.896.152
Khấu hao trong năm	175.802.158.328	46.784.967.671	2.959.278.381	991.378.628	-	226.537.783.008
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	4.532.034.965.200	4.016.908.528.096	46.450.996.058	42.934.309.299	253.880.507	8.638.582.679.160
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.644.226.392.066	77.392.626.455	15.920.601.685	2.073.310.467	-	3.739.612.930.673
Số dư cuối năm	3.480.851.608.737	70.633.059.253	12.961.323.304	1.081.931.839	-	3.565.527.923.133

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.880.092.559.856 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 2.880.069.741.998 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản này hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay đó.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	387.250.854
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	540.134.658
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.141.587.203
Số dư cuối năm	988.703.399

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	620.551.344.611	190.719.208.176
Tăng trong năm	1.064.921.809.101	426.597.349.294
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.170.325.458	3.234.787.141
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.378.850.468)	-
Số dư cuối năm	1.642.264.628.702	620.551.344.611

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	1.170.048.389.689	615.280.109.895
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	472.216.239.013	3.947.208.895
Các công trình khác	-	1.324.025.821
	1.642.264.628.702	620.551.344.611

(*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 18(b)).

(**) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47.5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	40.004.879.219	1.787.535.976	41.792.415.195
Tăng trong năm	901.120.905	1.203.689.496	2.104.810.401
Phân bổ trong năm	(19.059.127.049)	(991.768.828)	(20.050.895.877)
Số dư cuối năm	21.846.873.075	1.999.456.644	23.846.329.719

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Các khoản phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	167.150.383.884	-
Viện Nghiên cứu Cơ khí	96.223.385.417	21.170.788.683
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	61.491.762.346	43.675.231.183
GE Power India Limited	32.513.446.998	8.582.100.264
Các nhà cung cấp khác	41.133.242.124	7.576.275.123
	398.512.220.769	81.004.395.253

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	302.541.500.294	36.643.307.240
Dài hạn	95.970.720.475	44.361.088.013
	398.512.220.769	81.004.395.253

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2020.

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.080.082.440	2.972.152.672
Chi nhánh Tổng Công ty Điện Lực Miền Nam - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam	96.461.932	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	45.745.920	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	48.466.160

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	50.512.084.213	233.926.975.362	(282.227.531.009)	2.211.528.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.127.847.686	316.746.641.701	(195.848.847.686)	194.025.641.701
Thuế thu nhập cá nhân	829.919.175	7.441.444.458	(6.230.232.156)	2.041.131.477
Thuế tài nguyên	33.481.816.857	262.299.674.526	(272.376.056.215)	23.405.435.168
Các loại thuế khác	24.491.353.271	157.751.639.619	(131.220.620.114)	51.022.372.776
	182.443.021.202	978.166.375.666	(887.903.287.180)	272.706.109.688

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	753.253.387	(753.253.387)	13.759.339

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

16. Chi phí phải trả

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	13.400.273.931	13.148.280.937
Chi phí phải trả khác	-	971.210.549
	13.400.273.931	14.119.491.486

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	211.200.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	481.801.970	432.356.558
	211.681.801.970	432.356.558

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	548.042.895.691		- 548.042.895.691

(b) Vay dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.499.346.126.309	2.070.695.978.954
Giải ngân trong năm	377.837.896.353	405.823.885.387
Trả trong năm	-	(696.812.309.001)
Cần trừ với khoản phải thu khách hàng (thuyết minh 33)	-	(253.655.590.943)
Cần trừ với tiền gửi có kỳ hạn (thuyết minh 33)	-	(74.288.472.222)
Chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(548.042.895.691)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	84.431.140.730	47.582.634.134
Số dư cuối năm	1.413.572.267.701	1.499.346.126.309

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Năm			31/12/2018	1/1/2018
Tiền tệ	đáo hạn	Lãi suất năm		VND	VND
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2020	3,21%	832.412.924.827	794.079.153.563
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	122.510.492.116	117.637.095.531
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,91% - 1,4%	1.006.691.746.449	587.629.877.215
				1.961.615.163.392	1.499.346.126.309

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	6.448.469.709	4.731.926.692
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	17.905.078.450	18.582.725.800
Sử dụng trong năm	(19.918.654.948)	(16.866.182.783)
Số dư cuối năm	4.434.893.211	6.448.469.709

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.224.000.000.000	67.787.710.660	7.331.138.455	20.480.114.976	1.007.370.078.440	5.326.969.042.531
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	655.079.909.419	655.079.909.419
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(422.400.000.000)	(422.400.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.084.773.454	-	(7.084.773.454)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	30.932.787.702	(30.932.787.702)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.582.725.800)	(18.582.725.800)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(21.029.241.492)	-	-	(21.029.241.492)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.328.129.224	1.190.534.474.357	5.520.036.984.658
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.282.463.513.110	1.282.463.513.110
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(760.320.000.000)
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(211.200.000.000)
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.000.000.000	(15.000.000.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(17.905.078.450)	(17.905.078.450)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	(34.350.995.732)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.446.441.797	1.468.572.909.017	5.778.724.423.586

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(a)(ii)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 760.320 triệu VND, tương ứng 18% vốn điều lệ của Công ty (2017: 422.400 triệu VND, tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty).

Theo Nghị quyết số 165/NQ-HĐQT ngày 9 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 211.200 triệu VND, tương ứng 5% vốn điều lệ của Công ty.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	181.177	4.105.870.557	267.540,88	6.062.448.263

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.571.554.912.832	2.040.629.186.689
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.205.296.213.588	605.708.951.521
	<u>2.776.851.126.420</u>	<u>2.646.338.138.210</u>



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.325.132.372.244	1.576.312.192.426
▪ Cung cấp dịch vụ	13.480.785.331	16.902.470.256
	2.338.613.157.575	1.593.214.662.682

26. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn bán điện	755.779.322.433	754.107.551.854
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	9.352.039.142	11.832.306.248
	765.131.361.575	765.939.858.102

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	126.713.267.191	115.496.337.013
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.540.975.900	16.738.580.740
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	396.444.163
	150.254.243.091	132.631.361.916

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

28. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	29.129.041.576	37.231.753.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá do thanh toán	-	23.245.426.661
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư (Thuyết minh số 5(b))	43.207.167.849 (4.772.900.615)	28.591.287.882 4.772.900.615
	67.563.308.810	93.841.368.617

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	37.803.963.011	33.580.080.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	941.903.228	2.444.049.820
Thuế, phí và lệ phí	845.986.652	826.219.136
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	588.506.542	673.709.168
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	228.518.830	454.622.347
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.267.510.641	7.960.585.388
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.334.810.464	5.775.185.073
	56.011.199.368	51.761.201.545

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	37.145.121.860	33.397.883.797
Chi phí nhân công	100.598.559.485	99.060.139.358
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	817.025.372	454.622.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	226.690.666.812	289.310.787.472
Thuế, phí và lệ phí	406.892.810.475	345.298.787.247
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.777.834.535	25.802.563.690
Chi phí khác	24.220.542.404	24.291.817.771

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	316.666.272.336	159.619.378.631
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
	316.746.641.701	159.650.031.461

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.599.210.154.811	814.729.940.880
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	319.842.030.962	162.945.988.176
Thuế của phần thu nhập không chịu thuế	(4.708.195.180)	(3.347.716.148)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	2.309.330
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.532.436.554	18.797.273
Dự phòng thiếu trong năm trước	80.369.365	30.652.830
	316.746.641.701	159.650.031.461

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	2.186.893.067	2.083.140.586
Chi phí lãi vay	29.129.041.576	32.932.313.876
Khoản vay đã trả	-	922.856.372.166
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Lãi vay phải thu trong năm	72.587.237.752	72.993.870.272
<i>Công ty con</i>		
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha		
Cung cấp dịch vụ	1.615.206.334	855.962.421
Cổ tức được chia	19.040.000.000	8.960.000.000
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	-	6.200.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Mua Bán Điện		
Bán điện	2.325.221.494.075	1.576.312.192.426
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Vay	370.667.570.895	300.689.098.246
Chi phí lãi vay	7.170.325.458	3.234.787.141
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	2.836.975.900	4.771.277.700
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ		
Cổ tức được chia	1.664.000.000	3.007.303.040
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	3.129.529.074	1.652.211.901

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Cung cấp dịch vụ	679.448.632	327.289.751
Chi phí dịch vụ	9.050.204.042	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Chi phí dịch vụ	1.113.716.872	3.253.597.805
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh		
Cung cấp dịch vụ	54.300.000	63.299.570
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung		
Cung cấp dịch vụ	114.990.000	509.281.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam		
Cung cấp dịch vụ	71.400.000	15.400.000
Ứng trước hợp đồng dịch vụ	463.559.985	-
Chi nhánh Công ty cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng		
Cung cấp dịch vụ	97.419.932	30.326.000
Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí dịch vụ	126.000.000	-
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Chi phí dịch vụ	850.372.646	-
Tổng Giám đốc		
Tiền lương	592.384.000	630.784.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương	1.526.528.000	1.100.257.009
Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thù lao	735.204.600	730.800.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

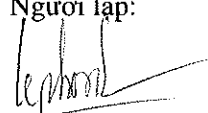
	2018 VND	2017 VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	230.939.481.593	109.373.369.451
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	-	253.655.590.943
Thanh toán gốc vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	74.288.472.222
Chi trả cổ tức bằng cách cân trừ với lãi vay phải thu	72.993.870.272	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	2.636.111.111	27.879.350.007
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với khoản phải thu khách hàng	28.877.048.582	-
Thanh toán lãi vay bằng cách cân trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	350.000.000

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

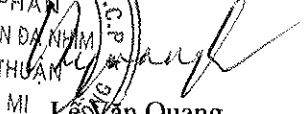
Người lập:


Lê Xuân Phong
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Phạm Thị Hồng Hà
 Kế toán trưởng




Lê Văn Quang
 Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Thủy điện
Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010

Quyết định thành lập do Tập đoàn Điện lực Việt Nam cấp trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi).

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 5800452036 ngày 18 tháng 5 năm 2005

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 6 tháng 7 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp.

Hội đồng Quản trị
Ông Nguyễn Trọng Oánh
Ông Lê Văn Quang
Ông Đỗ Minh Lộc
Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Quang
Ông Đỗ Minh Lộc
Ông Nguyễn Đình Chiến
Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(từ ngày 1 tháng 1 năm 2018)

Ban Kiểm soát
Ông Ngô Thế Long
Ông Hoàng Văn Long
Bà Hoàng Thị Thanh Hương
Ông Nguyễn Tiến Dũng
Trưởng ban
Thành viên
Thành viên
(từ ngày 8 tháng 11 năm 2018)
Thành viên
(đến ngày 8 tháng 11 năm 2018)

Trụ sở đăng ký
80A Trần Phú, Phường Lộc Sơn
Thành phố Bảo Lộc
Tỉnh Lâm Đồng
Việt Nam

Công ty kiểm toán
Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

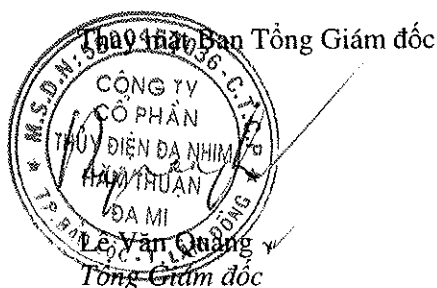
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 45 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Lâm Đồng, ngày 5 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ("Công ty") và công ty con (gọi chung là "Nhóm Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 5 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 45.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra kết luận ngoại trừ nhưng muốn lưu ý tới thuyết minh 3(b)(ii) trong báo cáo tài chính hợp nhất. Nhóm Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 ("Nghị định 10"). Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" được phản ánh trong phần "Vốn chủ sở hữu" và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định này có sự khác biệt so với Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được trình bày tại Thuyết minh 3(b)(ii) của báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00449-19-2

Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Anh Tuấn
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0436-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 5 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		2.596.281.287.493	1.802.307.836.313
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	212.882.538.874	460.210.215.393
Tiền	111		112.882.538.874	47.752.305.574
Các khoản tương đương tiền	112		100.000.000.000	412.457.909.819
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.136.444.857.992	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.136.444.857.992	268.817.781.781
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.202.619.953.730	1.037.004.362.414
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	702.724.084.112	973.149.579.052
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		214.455.345.488	12.812.426.113
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9(a)	200.000.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	85.487.274.130	51.089.107.249
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(46.750.000)	(46.750.000)
Hàng tồn kho	140	8	41.094.736.869	35.937.541.446
Hàng tồn kho	141		41.094.736.869	35.937.541.446
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.239.200.028	337.935.279
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	299.627.449	324.175.940
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.925.813.240	-
Thuế và các khoản khác phải thu				
Nhà nước	153	15(b)	13.759.339	13.759.339

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		6.464.944.606.866	5.871.980.408.290
Các khoản phải thu dài hạn	210		599.932.824.894	964.420.123.321
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	164.487.298.427
Phải thu về cho vay dài hạn	215	9(b)	599.932.824.894	799.932.824.894
Tài sản cố định	220		3.883.150.920.002	4.071.339.205.066
Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.882.162.216.603	4.070.197.617.863
Nguyên giá	222		12.582.084.046.249	12.529.631.270.781
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.699.921.829.646)	(8.459.433.652.918)
Tài sản cố định vô hình	227	11	988.703.399	1.141.587.203
Nguyên giá	228		1.528.838.057	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(540.134.658)	(387.250.854)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.804.706.088.811	720.972.109.699
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.804.706.088.811	720.972.109.699
Đầu tư tài chính dài hạn	250		150.977.821.208	69.976.822.858
Đầu tư vào công ty liên kết	252	5(b)	39.637.821.208	27.616.822.858
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5(b)	37.360.000.000	37.360.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5(a)	73.980.000.000	5.000.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		26.176.951.951	45.272.147.346
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	24.400.771.519	43.543.191.679
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		1.776.180.432	1.728.955.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		9.061.225.894.359	7.674.288.244.603

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.218.827.839.962	2.089.154.637.910
Nợ ngắn hạn	310		1.393.534.785.038	270.956.852.145
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	312.454.616.844	36.643.307.240
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.085.269.594	1.126.431.388
Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước	313	15(a)	274.327.697.589	184.229.200.771
Phải trả người lao động	314		22.390.483.000	25.697.004.929
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	16.543.647.139	16.238.511.550
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	214.081.801.970	432.356.558
Vay ngắn hạn	320	18(a)	548.042.895.691	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	19	4.608.373.211	6.590.039.709
Nợ dài hạn	330		1.825.293.054.924	1.818.197.785.765
Phải trả người bán dài hạn	331	14	95.970.720.475	44.361.088.013
Phải trả dài hạn khác	337		3.956.393.122	-
Vay dài hạn	338	18(b)	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	954.580.123
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		5.842.398.054.397	5.585.133.606.693
Vốn chủ sở hữu	410	20	5.842.398.054.397	5.585.133.606.693
Vốn cổ phần	411	21	4.224.000.000.000	4.224.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		128.754.171.541	74.872.484.114
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	22	(48.049.098.769)	(13.698.103.037)
Quỹ đầu tư phát triển	418		5.670.476.932	44.452.164.359
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.481.250.828.449	1.205.125.354.288
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		411.338.775.838	552.664.321.663
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.069.912.052.611	652.461.032.625
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		50.771.676.244	50.381.706.969
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		9.061.225.894.359	7.674.288.244.603

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

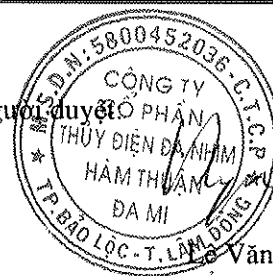


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	2.398.560.602.153	1.663.635.765.665
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	26	789.098.811.425	792.201.357.632
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		1.609.461.790.728	871.434.408.033
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	131.341.733.880	123.774.752.644
Chi phí tài chính	22	28	92.148.896.115	108.629.790.698
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		48.941.728.266	56.779.965.296
Lãi/(lỗ) từ công ty liên kết	24	5(b)	12.020.998.350	(13.365.954.439)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	58.754.767.277	54.381.779.308
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - 26}	30		1.601.920.859.566	818.831.636.232
Thu nhập khác	31		126.758.482	480.630.293
Chi phí khác	32		1.078.134.584	-
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(951.376.102)	480.630.293
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.600.969.483.464	819.312.266.525
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	316.746.641.701	159.650.031.461
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(954.580.123)	954.580.123
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		1.285.177.421.886	658.707.654.941

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12
năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN	60		1.285.177.421.886	658.707.654.941
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		1.281.112.052.611	652.461.032.625
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		4.065.369.275	6.246.622.316
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	3.033	1.545

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

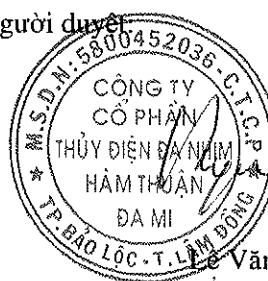


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng




Lê Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		1.600.969.483.464	819.312.266.525
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		240.641.060.532	303.253.801.092
Các khoản dự phòng	03		-	46.750.000
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		43.207.167.849	28.604.398.741
Lãi tiền gửi	05		(126.733.502.533)	(115.599.727.741)
Cổ tức được chia	05		(4.500.975.900)	(7.778.580.740)
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	05		-	(307.425.454)
(Lãi)/lỗ từ công ty liên kết	05		(12.020.998.350)	13.365.954.439
Chi phí lãi vay	06		48.941.728.266	56.779.965.296
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		1.790.503.963.328	1.097.677.402.158
Biến động các khoản phải thu	09		245.559.869.740	(719.183.455.090)
Biến động hàng tồn kho	10		(5.204.420.188)	51.225.866.198
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		13.908.743.333	56.444.800.794
Biến động chi phí trả trước	12		19.166.968.651	(40.348.891.183)
			2.063.935.124.864	445.815.722.877
Tiền lãi vay đã trả	14		(18.788.333.546)	(67.717.173.394)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(195.848.847.686)	(184.315.580.405)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(20.348.244.948)	(16.964.112.783)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1.828.949.698.684	176.818.856.295

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

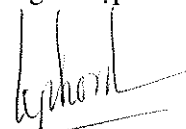
	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(896.052.785.156)	(338.036.199.955)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	-	307.425.454
Tiền chi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.428.788.746.881)	(445.838.770.100)
Tiền thu hồi cho vay và đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	24	494.817.781.781	1.612.266.239.651
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.200.000.000)
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27	26.252.326.122	57.017.769.796
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(1.803.771.424.134)	879.516.464.846

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ nhận vốn góp của cổ đông không kiểm soát	31	3.967.500.000	6.935.500.000
Tiền thu từ đi vay	33	420.321.891.861	405.823.885.387
Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.226.313.202)	(714.112.309.001)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông	36	(687.326.129.728)	(349.406.129.728)
Tiền trả cổ tức cho cổ đông không kiểm soát	36	(5.242.900.000)	(2.967.760.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(272.505.951.069)	(653.726.813.342)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(247.327.676.519)	402.608.507.799
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	460.210.215.393	57.625.548.166
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(23.840.572)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	212.882.538.874	460.210.215.393

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

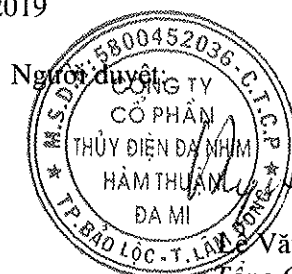
Người lập:



Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Văn Quang
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (“Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Thủy điện Đa Nhim – Hàm Thuận – Đa Mi) theo Quyết định số 327/QĐ-EVN ngày 24 tháng 5 năm 2010 của Tập đoàn Điện Lực Việt Nam và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần kể từ ngày 7 tháng 10 năm 2011.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm Công ty”) và các lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết.

Theo Quyết định số 427/QĐ-SGDHN ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Công ty bắt đầu đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) với mã cổ phiếu là DNH. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có hơn 100 cổ đông và vốn cổ phần của Công ty là 4.224.000.000.000 VND (1/1/2018: 4.224.000.000.000 VND).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là:

- sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa, cải tạo các thiết bị điện, các công trình thủy công, công trình kiến trúc của nhà máy thủy điện;
- kinh doanh vật tư, thiết bị; lập dự án đầu tư xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, tư vấn giám sát thi công xây lắp;
- đầu tư xây dựng và lắp đặt công trình thủy điện, nhiệt điện, địa nhiệt, phong nhiệt, năng lượng mặt trời, dầu khí, trạm điện và đường dây tải điện đến cấp điện áp 220 KV; và
- tư vấn lập dự toán đầu tư, quản lý dự án đầu tư, lập dự toán và tổng dự toán công trình dân dụng, công nghiệp dầu khí; sản xuất, sửa chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị và phụ kiện, cấu kiện, thép bê tông và cung ứng vật tư thiết bị ngành điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***(d) Cấu trúc Nhóm Công ty**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết (1/1/2018: 1 công ty con sở hữu trực tiếp và 1 công ty liên kết) với thông tin chi tiết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính	31/12/2018		1/1/2018	
		% sở hữu	% quyền biểu quyết	% sở hữu	% quyền biểu quyết
Công ty con sở hữu trực tiếp					
Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện.	70%	70%	71,8%	70%
Công ty liên kết					
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình	Sản xuất, truyền tải, và phân phối điện.	20%	20%	20%	20%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Nhóm Công ty có 273 nhân viên (1/1/2018: 278 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại công ty con, Nhóm Công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm Công ty phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Nhóm Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Nhóm Công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm Công ty tại công ty liên kết.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Nhóm Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các kỳ thì chi phí tài chính sẽ tăng 34.350.995.732 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 6.870.199.146 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 27.480.796.586 VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017: chi phí tài chính sẽ tăng 21.029.241.492 VND, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ giảm 4.205.848.298 VND và lợi nhuận thuần sau thuế sẽ giảm 16.823.393.194 VND), số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 48.049.098.769 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 9.609.819.754 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 38.439.279.015 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: số chênh lệch tỷ giá thể hiện ở tài khoản “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” sẽ tăng 13.698.103.037 VND, thuế và các khoản phải nộp Nhà nước sẽ giảm 2.739.620.607 VND và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” sẽ giảm 10.958.482.430 VND).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá trị hợp lý của khoản đầu tư thấp hơn giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này. Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi giá trị hợp lý của chứng khoán tăng lên hoặc khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	10 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	8 – 10 năm
▪ phương tiện vận tải	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 5 năm
▪ tài sản cố định khác	3 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng dở dang là giá trị các công trình đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn dở dang tại Nhóm Công ty được xác định trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh đến cuối kỳ đối với các công trình tự làm hoặc theo khối lượng thực tế thanh toán với bên thi công trên cơ sở hoá đơn cho khối lượng hoàn thành hoặc hạng mục bàn giao đối với các công trình thuê bên ngoài thực hiện. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí trực tiếp khác, chi phí chung được phân bổ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với quy định hiện hành. Xây dựng cơ bản dở dang được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Nhóm Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Nhóm Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(m) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Nhóm Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định 10 về quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) *Doanh thu bán điện*

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(q) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(s) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Nhóm Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Nhóm Công ty là kinh doanh điện và hoạt động khác là kinh doanh các dịch vụ khác liên quan đến lĩnh vực điện. Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh khác chiếm tỷ trọng rất nhỏ trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 1 tháng 1 năm 2018 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty.

Về mặt địa lý, Nhóm Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

(t) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Nhóm Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Nhóm Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng. Do vậy yêu cầu trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	381.217.546	306.972.084
Tiền gửi ngân hàng	112.501.321.328	47.445.333.490
Các khoản tương đương tiền	100.000.000.000	412.457.909.819
	212.882.538.874	460.210.215.393

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND có kỳ hạn 1 và 3 tháng kể từ ngày gửi, hưởng lãi suất năm lần lượt là 4,1% và 5,5% (2017: lần lượt là 0% và 6,6%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số lượng	31/12/2018		Số lượng	1/1/2018	
		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND		Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn		1.136.444.857.992	1.136.444.857.992		268.817.781.781	268.817.781.781
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn						
▪ Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn		66.000.000.000	66.000.000.000		-	-
▪ Trái phiếu (*)	798	7.980.000.000	(**)	500	5.000.000.000	(**)
		73.980.000.000			5.000.000.000	

Tiền gửi có kỳ hạn ngắn hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày gửi và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm dao động từ 5% đến 7% trong năm (2017: 6% đến 6,6% trong năm).

Tiền gửi có kỳ hạn dài hạn là tiền gửi ngân hàng có thời gian đáo hạn còn lại trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo, hưởng lãi suất năm là 7% trong năm (2017: không).

(*) Bao gồm trái phiếu ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam có giá trị 5 tỷ VND (2017: 5 tỷ VND), phát hành ngày 14 tháng 11 năm 2017 có kỳ hạn 10 năm và trái phiếu ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có giá trị 2,98 tỷ VND (2017: không), phát hành ngày 19 tháng 12 năm 2018 có kỳ hạn 10 năm. Lãi suất áp dụng lần lượt là lãi suất tham chiếu cộng với biên độ 1,2%/năm và 1%/năm. Trong đó lãi suất tham chiếu là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng VND có kỳ hạn 12 tháng của 4 ngân hàng gồm: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam tại ngày xác định lãi suất.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2018					1/1/2018				
	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% vốn sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ/giá gốc VND
Đầu tư vào công ty liên kết										
• Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (i)	3.267.920	20%	20%	39.637.821.208	-	(*)	3.267.920	20%	20%	27.616.822.858
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác										
• Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000	-	78.661.604.500	2.579.069	3,3%	3,3%	24.560.000.000
• Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000	-	33.280.000.000	1.280.000	1%	1%	12.800.000.000
				37.360.000.000	-					37.360.000.000
				76.997.821.208	-					64.976.822.858

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (*) Nhóm Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (i) Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình (“Thuận Bình”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3400675644 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Hoạt động chính của Thuận Bình là sản xuất, truyền tải và kinh doanh điện năng.

Biến động của đầu tư vào công ty liên kết trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	27.616.822.858	34.782.777.297
Tăng khoản đầu tư trong năm	-	6.200.000.000
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	12.020.998.350	(13.365.954.439)
	39.637.821.208	27.616.822.858

Thông tin trích lược từ bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết tại ngày báo cáo như sau:

Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình

	Tổng tài sản VND	Tổng nợ phải trả VND	Tổng vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận thuần sau thuế VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	833.447.265.592	634.477.138.406	198.970.127.186	59.959.323.699
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017	836.375.288.624	697.364.485.137	139.010.803.487	(64.745.752.664)

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng****(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.187.709.547	6.423.826.581
Các khách hàng khác	3.283.351.795	3.469.378.321
	702.724.084.112	973.149.579.052

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công ty Mua Bán Điện	690.253.022.770	963.256.374.150
Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.187.709.547	6.423.826.581
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	-	1.107.867.130
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam	-	7.604.300

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là từ 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.746.011.560	44.497.840.632
Cổ tức được chia	-	896.000.000
Ký quỹ	1.021.529.016	4.584.098.342
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa kê khai	2.581.748.064	211.167.440
Phải thu khác	7.137.985.490	900.000.835
	85.487.274.130	51.089.107.249

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Nguyên vật liệu	38.711.665.196	34.494.317.204
Công cụ và dụng cụ	552.002.186	547.232.593
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.831.069.487	895.991.649
	41.094.736.869	35.937.541.446

9. Phải thu về cho vay

(a) Phải thu về cho vay ngắn hạn

	1/1/2018	Biến động trong năm	31/12/2018
	VND	Tăng VND Giảm VND	VND
Phải thu về cho vay dài hạn đến hạn thu hồi (b)	-	200.000.000.000	- 200.000.000.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay dài hạn	799.932.824.894	799.932.824.894
Khoản đến hạn thu trong vòng 12 tháng	(200.000.000.000)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	599.932.824.894	799.932.824.894

Điều kiện và điều khoản của các khoản phải thu về cho vay dài hạn như sau:

	Tiền tệ	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu về cho vay				
Tổng Công ty Phát điện 1				
Khoản cho vay 1	VND	2019	200.000.000.000	200.000.000.000
Khoản cho vay 2	VND	2020	150.000.000.000	150.000.000.000
Khoản cho vay 3	VND	2020	449.932.824.894	449.932.824.894
			799.932.824.894	799.932.824.894

Các khoản phải thu về cho vay Tổng Công ty Phát điện 1, công ty mẹ, không có đảm bảo và có thời hạn cho vay là 5 năm. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Hội sở chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại ngày xác định lãi suất cộng với biên độ 2,5%/năm. Trong năm, các khoản phải thu về cho vay này hưởng lãi suất năm dao động từ 8,5% đến 9%/năm (2017: 8,5% đến 9%/năm). Nợ gốc vay được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn khoản vay.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	8.229.757.400.799	4.194.345.110.830	61.258.637.507	44.016.241.138	253.880.507	12.529.631.270.781
Tăng trong năm	-	2.073.925.000	-	-	-	2.073.925.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	12.427.374.999	37.951.475.469	-	-	-	50.378.850.468
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	8.242.184.775.798	4.235.436.917.899	60.192.230.907	44.016.241.138	253.880.507	12.582.084.046.249
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.378.208.614.925	3.994.079.633.579	44.948.593.236	41.942.930.671	253.880.507	8.459.433.652.918
Khấu hao trong năm	182.461.078.316	53.998.450.247	3.037.269.537	991.378.628	-	240.488.176.728
Phân loại lại	-	1.066.406.600	(1.066.406.600)	-	-	-
Số dư cuối năm	4.560.669.693.241	4.049.144.490.426	46.919.456.173	42.934.309.299	253.880.507	8.699.921.829.646
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	3.851.548.785.874	200.265.477.251	16.310.044.271	2.073.310.467	-	4.070.197.617.863
Số dư cuối năm	3.681.515.082.557	186.292.427.473	13.272.774.734	1.081.931.839	-	3.882.162.216.603

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 2.880.092.559.856 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang sử dụng (1/1/2018: 2.880.069.741.998 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh 18(b), các tài sản này hình thành từ các khoản đi vay Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực và được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 316.322.842.040 VND được thế chấp tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận để đảm bảo cho chính khoản vay ngân hàng này của Nhóm Công ty (1/1/2018: là 330.195.244.604 VND) (thuyết minh 18(b)).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm và cuối năm	1.528.838.057
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	387.250.854
Khấu hao trong năm	152.883.804
Số dư cuối năm	540.134.658
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	1.141.587.203
Số dư cuối năm	988.703.399

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	720.972.109.699	285.114.113.350
Tăng trong năm	1.126.942.504.122	432.623.209.208
Lãi vay vốn hóa trong năm	7.170.325.458	3.234.787.141
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(50.378.850.468)	-
Số dư cuối năm	1.804.706.088.811	720.972.109.699

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (*)	1.170.048.389.689	615.280.109.895
Dự án Nhà máy Điện Mặt trời Đa Mi (**)	472.216.239.013	3.947.208.895
Các công trình khác	162.441.460.109	101.744.790.909
	1.804.706.088.811	720.972.109.699

(*) Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 6934/QĐ-BCT ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Công Thương. Mục tiêu của Dự án nhằm mở rộng thêm 1 tổ máy 80MW cho Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu, nâng tổng công suất nhà máy từ 160MW lên 240MW. Tổng mức đầu tư dự kiến là 1.952.591.601.000 VND (tương đương 92,28 triệu USD). Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn vay Quỹ hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Chính phủ Nhật Bản (85%) và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam (15%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019. Tài sản hình thành từ Dự án được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay của Nhóm Công ty (thuyết minh 18(b)).

(**) Dự án Nhà máy Điện mặt trời Đa Mi (“Dự án”) được phê duyệt đầu tư xây dựng theo Quyết định số 2960/QĐ-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2017 của Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Bình Thuận. Mục tiêu của Dự án nhằm bổ sung vào hệ thống điện Quốc gia nguồn năng lượng sạch, với công suất 47.5 MW. Tổng mức đầu tư dự kiến 1.312.917.000.000 VND. Nguồn vốn đầu tư của Dự án được tài trợ từ vốn của chủ đầu tư (30%), vốn vay thương mại trong nước (20%) và vốn vay nước ngoài (50%). Dự án dự kiến được hoàn thành và vận hành vào năm 2019.

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí bảo hiểm trả trước và các khoản lệ phí đường bộ.

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	41.755.655.703	1.787.535.976	43.543.191.679
Tăng trong năm	2.317.407.025	1.203.689.496	3.521.096.521
Phân bổ trong năm	(21.671.747.853)	(991.768.828)	(22.663.516.681)
Số dư cuối năm	22.401.314.875	1.999.456.644	24.400.771.519

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***14. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Powerchina Huadong Engineering Corporation Limited	167.150.383.884	-
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	61.491.762.346	43.675.231.183
GE Power India Limited	32.513.446.998	8.582.100.264
Viện Nghiên cứu Cơ khí	96.223.385.417	21.170.788.683
Các nhà cung cấp khác	51.046.358.674	7.576.275.123
	408.425.337.319	81.004.395.253

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	312.454.616.844	36.643.307.240
Dài hạn	95.970.720.475	44.361.088.013
	408.425.337.319	81.004.395.253

Khoản phải trả người bán dài hạn sẽ được hoàn trả trong vòng 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành công trình dự kiến trong năm 2020.

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3	1.080.082.440	2.972.152.672
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	96.461.932	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	45.745.920	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4	-	48.466.160

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng	50.892.774.145	239.989.921.754	(288.671.167.333)	2.211.528.566
Thuế thu nhập doanh nghiệp	73.127.847.686	316.746.641.701	(195.848.847.686)	194.025.641.701
Thuế thu nhập cá nhân	858.268.254	7.803.774.062	(6.583.460.151)	2.078.582.165
Thuế tài nguyên	34.339.298.071	266.998.660.227	(276.941.557.779)	24.396.400.519
Các loại thuế khác	25.011.012.615	160.477.664.621	(133.873.132.598)	51.615.544.638
	184.229.200.771	992.016.662.365	(901.918.165.547)	274.327.697.589

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã được hoàn trong năm VND	31/12/2018 VND
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.759.339	753.253.387	(753.253.387)	13.759.339

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***16. Chi phí phải trả**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Chi phí lãi vay	16.543.647.139	15.267.301.001
Chi phí phải trả khác	-	971.210.549
	16.543.647.139	16.238.511.550

17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Cổ tức phải trả	213.600.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	481.801.970	432.356.558
	214.081.801.970	432.356.558

18. Vay**(a) Vay ngắn hạn**

	1/1/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm Tăng VND	Giảm VND	31/12/2018 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	-	548.042.895.691	-	548.042.895.691

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Biến động các khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	1.772.882.117.629	2.361.531.970.274
Giải ngân trong năm	420.321.891.861	405.823.885.387
Trả gốc trong năm	(4.226.313.202)	(714.112.309.001)
Cần trừ với khoản phải thu khách hàng (thuyết minh 34)	-	(253.655.590.943)
Cần trừ với tiền gửi có kỳ hạn (thuyết minh 34)	-	(74.288.472.222)
Chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(548.042.895.691)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	84.431.140.730	47.582.634.134
Số dư cuối năm	1.725.365.941.327	1.772.882.117.629

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Năm			31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền tệ	đáo hạn	Lãi suất năm			
Vay từ Tập đoàn Điện Lực Việt Nam					
Khoản vay 1 (i)	JPY	2020	3,21%	832.412.924.827	794.079.153.563
Khoản vay 2 (ii)	JPY	2021	2,75%	122.510.492.116	117.637.095.531
Vay từ Công ty Tài Chính Cổ phần Điện Lực					
Khoản vay 1 (iii)	JPY	2044	0,91% - 1,4%	1.006.691.746.449	587.629.877.215
Vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Ninh Thuận					
Khoản vay 1 (iv)	VND	2029	Lãi suất biến đổi	311.793.673.626	273.535.991.320
				2.273.408.837.018	1.772.882.117.629

- (i) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 05/2007/ĐN/EVN/TCKT ngày 30 tháng 8 năm 2007. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Hàm Thuận - Đa Mi và chịu lãi suất năm là 3,21%/năm. Thời hạn cho vay lại là 11 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 15 tháng 1 và ngày 15 tháng 7 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (ii) Theo Hợp đồng cho vay lại nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2013/EVN/TCKT ngày 20 tháng 9 năm 2013. Khoản vay được sử dụng để đầu tư dự án Phục hồi hệ thống điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 2,3%/năm, phí quản lý khoản vay là 0,2%/năm và phí cho vay lại là 0,25%/năm. Thời hạn cho vay lại là 7 năm 6 tháng, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 2 và ngày 20 tháng 8 hàng năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).
- (iii) Theo Hợp đồng cho vay lại vốn vay ưu đãi Chính phủ của Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản số 01/2015/HĐCVL/TCĐL-ĐHĐ/ĐNMR ngày 8 tháng 7 năm 2015. Khoản vay được sử dụng để đầu tư Dự án mở rộng Nhà máy Thủy điện Đa Nhim và chịu lãi suất năm là 0,91%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục tư vấn; 1,4%/năm đối với các khoản vay cho các hạng mục xây lắp, thiết bị, và phí cho vay lại là 0,2%/năm. Thời hạn cho vay lại là 25 năm trong đó có thời gian ân hạn là 5 năm kể từ ngày 28 tháng 2 năm 2014, gốc vay được thanh toán mỗi năm hai lần vào ngày 20 tháng 1 và ngày 20 tháng 7 hàng năm sau khi kết thúc thời gian ân hạn, ngày trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 20 tháng 1 năm 2019. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (thuyết minh 12) và tài sản Nhà máy Thủy điện Đa Nhim hiện hữu công suất lắp máy 160MW (thuyết minh 10).
- (iv) Theo hợp đồng vay số 1/4/HĐTD ngày 22 tháng 4 năm 2011. Khoản vay được sử dụng để thanh toán một phần chi phí thực hiện Dự án Nhà máy Thủy điện Hạ Sông Pha 1 và 2. Khoản vay có thời hạn cho vay là 18 năm kể từ lần rút vốn đầu tiên, trong đó có 2 năm ân hạn. Lãi suất được xác định bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi cuối kỳ của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – chi nhánh Ninh Thuận tại thời điểm giải ngân và thời điểm điều chỉnh lãi suất theo định kỳ 6 tháng 1 lần (+) cộng phí thỏa thuận là 2.5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 316.322.842.040 VND (1/1/2018: 330.195.244.604 VND) (thuyết minh 10).

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Nhóm Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	6.590.039.709	4.731.926.692
Trích lập trong năm (thuyết minh 20)	18.366.578.450	18.822.225.800
Sử dụng trong năm	(20.348.244.948)	(16.964.112.783)
Số dư cuối năm	4.608.373.211	6.590.039.709

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	Vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	4.224.000.000.000	67.787.710.660	7.331.138.455	20.480.114.976	1.024.943.370.300	40.167.344.653	5.384.709.679.044	
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	6.935.500.000	6.935.500.000	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	652.461.032.625	6.246.622.316	658.707.654.941	
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(422.400.000.000)	(2.967.760.000)	
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	7.084.773.454	-	(7.084.773.454)	-	-	-	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	31.056.822.837	(31.056.822.837)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.822.225.800)	-	(18.822.225.800)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(21.029.241.492)	-	-	-	(21.029.241.492)	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	4.224.000.000.000	74.872.484.114	(13.698.103.037)	44.452.164.359	1.205.125.354.288	50.381.706.969	5.585.133.606.693	
Phát hành cổ phiếu	-	-	-	-	-	3.967.500.000	3.967.500.000	
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	1.281.112.052.611	4.065.369.275	1.285.177.421.886	
Cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(760.320.000.000)	(5.242.900.000)	
Tạm ứng cổ tức (thuyết minh 23)	-	-	-	-	-	(211.200.000.000)	(213.600.000.000)	
Chuyển nguồn hình thành tài sản cố định	-	53.881.687.427	-	(53.881.687.427)	-	-	-	
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	15.100.000.000	(15.100.000.000)	-	-	
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(18.366.578.450)	-	(18.366.578.450)	
Chênh lệch tỷ giá hối đoái (thuyết minh 22)	-	-	(34.350.995.732)	-	-	-	(34.350.995.732)	
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	4.224.000.000.000	128.754.171.541	(48.049.098.769)	5.670.476.932	1.481.250.828.449	50.771.676.244	5.842.398.054.397	

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***21. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là :

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	422.400.000	4.224.000.000.000	422.400.000	4.224.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Chi tiết vốn cổ phần của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	VND
Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty TNHH Một thành viên	99,93%	422.103.100	4.221.031.000.000
Các cổ đông khác	0,07%	296.900	2.969.000.000
	100%	422.400.000	4.224.000.000.000

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.

22. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh khoản lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm liên quan đến xây dựng cơ bản Dự án mở rộng Nhà máy Đa Nhim. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi dự án này đi vào hoạt động thương mại phù hợp với hướng dẫn tại Nghị định 10 (thuyết minh 3(b)(ii)).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Cổ tức

Tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2017 là 760.320 triệu VND, tương ứng 18% vốn điều lệ của Công ty (2017: 422.400 triệu VND, tương ứng 10% vốn điều lệ của Công ty).

Theo Nghị quyết số 165/NQ-HDQT ngày 9 tháng 11 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định tạm ứng khoản cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 là 211.200 triệu VND, tương ứng 5% vốn điều lệ của Công ty.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	181.183	4.106.006.450	267.546,74	6.062.581.139

(b) Cam kết chi tiêu vốn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	1.665.904.880.720	2.134.979.154.577
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	1.539.859.042.097	1.002.292.475.051
	3.205.763.922.817	3.137.271.629.628

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán điện	2.385.079.816.822	1.647.589.257.830
▪ Cung cấp dịch vụ	13.480.785.331	16.046.507.835
	2.398.560.602.153	1.663.635.765.665

26. Giá vốn hàng bán

	2018 VND	2017 VND
Giá vốn bán điện	779.746.772.283	780.977.719.441
Giá vốn của dịch vụ đã cung ứng	9.352.039.142	11.223.638.191
	789.098.811.425	792.201.357.632

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	126.733.502.533	115.599.727.741
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.500.975.900	7.778.580.740
Lãi chênh lệch tỷ giá	107.255.447	396.444.163
	131.341.733.880	123.774.752.644

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***28. Chi phí tài chính**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	48.941.728.266	56.779.965.296
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	-	23.245.426.661
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	43.207.167.849	28.604.398.741
	92.148.896.115	108.629.790.698

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nhân công	38.693.951.922	34.485.792.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	997.754.084	2.499.900.676
Thuế, phí và lệ phí	845.986.652	832.252.772
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	588.506.542	686.010.168
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	287.141.830	480.198.893
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.725.305.235	9.414.284.791
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.616.121.012	5.936.589.464
	58.754.767.277	54.381.779.308

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	37.968.106.147	33.732.379.706
Chi phí nhân công	102.764.539.545	101.086.389.787
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	817.025.372	454.622.347
Chi phí khấu hao và phân bổ	240.641.060.532	303.253.801.092
Thuế, phí và lệ phí	406.892.810.475	345.298.787.247
Chi phí dự phòng	-	46.750.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.626.325.944	26.834.477.277
Chi phí khác	33.758.917.021	36.650.547.576

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**
(tiếp theo)**Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***31. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	316.666.272.336	159.619.378.631
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
	316.746.641.701	159.650.031.461
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
(Hoàn nhập)/phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(954.580.123)	954.580.123
	315.792.061.578	160.604.611.584

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.600.969.483.464	819.312.266.525
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	320.193.896.693	163.862.453.305
Thuế của phần thu nhập không bị tính thuế	(3.304.394.850)	(1.555.716.148)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	2.309.330
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	-	954.580.123
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.606.902.779	135.050.198
Dự phòng thiếu trong những năm trước	80.369.365	30.652.830
Ưu đãi thuế	(2.784.712.409)	(2.824.718.054)
	315.792.061.578	160.604.611.584

(c) Thuế suất áp dụng**(i) Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%).

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công ty Cổ phần Thủy điện Hạ Sông Pha

Theo các điều khoản trong luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2017: 20%). Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ dự án đầu tư mở rộng (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2019 đến năm 2027). Luật thuế thu nhập doanh nghiệp cũng quy định rằng nếu Công ty không phát sinh lợi nhuận chịu thuế trong ba năm liên tiếp từ năm đầu tiên Công ty có doanh thu từ dự án đầu tư mở rộng thì thời gian miễn thuế trên sẽ được tính bắt đầu từ năm thứ tư dù có lợi nhuận chịu thuế hay không.

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (*)	1.281.112.052.611	652.461.032.625

- (*) Tại ngày báo cáo, Nhóm Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo do Đại Hội đồng Cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào quỹ này. Nếu Nhóm Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2018	2017
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	422.400.000	422.400.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 1 tháng 1 năm 2018, Nhóm Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm ẩn.

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	2.186.893.067	2.083.140.586
Chi phí lãi vay	29.129.041.576	32.932.313.876
Khoản vay đã trả	-	922.856.372.166
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Phát điện 1		
Lãi vay phải thu	72.587.237.752	72.993.870.272
<i>Công ty liên kết</i>		
Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình		
Góp vốn	-	6.200.000.000
<i>Các bên liên quan khác</i>		
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	2.325.221.494.075	1.576.312.192.426
Tổng Công ty điện lực Miền Nam		
Bán điện	61.562.650.912	71.277.065.404
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Vay	370.667.570.895	300.689.098.246
Chi phí lãi vay	7.170.325.458	3.234.787.141
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Ứng trước hợp đồng xây dựng cơ bản	3.129.529.074	1.652.211.901
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Cung cấp dịch vụ	679.448.632	327.289.751
Chi phí dịch vụ	9.050.204.042	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Chi phí dịch vụ	1.113.716.872	3.253.597.805
Công ty Cổ phần Thủy điện A Vương		
Cổ tức được chia	2.836.975.900	4.771.277.700

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch cho năm	
	2018	2017
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ Cổ tức được chia	1.664.000.000	3.007.303.040
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 – Công ty Thủy điện Đại Ninh Cung cấp dịch vụ	54.300.000	63.299.570
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Trung Cung cấp dịch vụ	114.990.000	509.281.000
Công ty Thí nghiệm Điện Miền Nam Cung cấp dịch vụ	71.400.000	15.400.000
Chi phí dịch vụ	463.559.985	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thủy điện miền Nam tại Lâm Đồng Cung cấp dịch vụ	97.419.932	30.326.000
Trung tâm Thông tin Điện lực – Tập đoàn Điện lực Việt Nam Chi phí dịch vụ	126.000.000	-
Trung tâm Viễn thông và Công nghệ thông tin – Tập đoàn Điện lực Việt Nam Chi phí dịch vụ	850.372.646	-
Tổng Giám đốc Tiền lương	720.884.000	741.722.000
Thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc Tiền lương	1.637.528.000	1.171.625.700
Hội đồng Quản trị Tiền lương và thù lao	1.226.031.600	1.188.313.000

Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018 VND	2017 VND
Mua tài sản cố định nhưng chưa thanh toán	240.133.969.424	109.373.369.451
Thanh toán gốc vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	-	253.655.590.943
Thanh toán gốc vay bằng cách cắt trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	74.288.472.222
Chi trả cổ tức bằng cách cắt trừ với lãi vay phải thu	72.993.870.272	72.993.870.272
Lãi tiền gửi có kỳ hạn vốn hóa vào nợ gốc	2.636.111.111	27.879.350.007
Thanh toán lãi vay bằng cách cắt trừ với khoản phải thu khách hàng	28.877.048.582	-
Thanh toán lãi vay bằng cách cắt trừ với tiền gửi có kỳ hạn	-	350.000.000

35. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 5 tháng 3 năm 2019

Người lập:

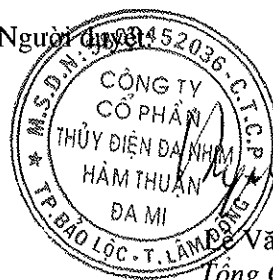


Lê Xuân Phong
Kế toán tổng hợp

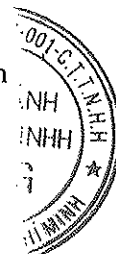
Người duyệt:



Phạm Thị Hồng Hà
Kế toán trưởng



Văn Quang
Tổng Giám đốc



Lâm Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;

HDQT Công ty xin ý kiến Đại hội về phương án phân phối lợi nhuận năm 2018, cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (đ)	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận sau thuế	1.282.463.513.110	
2	Lợi nhuận các năm trước để lại	65.043.372.273	
3	Phân phối lợi nhuận	1.347.506.885.383	100,00
3.1	Cổ tức (22%)	929.280.000.000	68,96
	<i>Trong đó: Đã tạm ứng 10%</i>	<i>422.400.000.000</i>	
3.2	Quỹ Đầu tư phát triển	384.739.000.000	28,55
	<i>Trong đó: - Hạng mục mua sắm TSCĐ</i>	<i>72.220.000.000</i>	
	<i>- Vốn đối ứng dự án DMS</i>	<i>312.519.000.000</i>	
3.3	Quỹ thưởng Ban điều hành	624.000.000	0,05
3.4	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	17.031.000.000	1,26
3.5	Lợi nhuận để lại	15.832.885.383	1,18

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT;
- Ban KS;
- Lưu: VT, Thư ký.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Oánh

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH
Về việc thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và
tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của HĐQT và Ban Kiểm soát

Căn cứ Luật Doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

Căn cứ công văn số 155/ EVNGENCO1-TH, ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Tổng công ty Phát điện 1, về việc chỉ đạo Người đại diện tại CTCP ĐHĐ nội dung ĐHĐCD thường niên 2019.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018 và tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019 của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty như sau:

1. Tiền lương, thù lao thực hiện năm 2018:

(Đơn vị: đồng)

Stt	Nội dung	Số người	Thực hiện
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	948.493.000
2.	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	782.369.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	299.908.000
	Tổng Cộng		2.030.770.000

Bằng chữ: Hai tỷ, không trăm ba mươi triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng.

2. Tiền lương, thù lao kế hoạch năm 2019:

(Đơn vị: đồng)

Stt	Nội dung	Số người	Kế hoạch
1.	Tiền lương Chủ tịch HĐQT	1	733.968.000
2.	Tiền lương Trưởng Ban kiểm soát	1	601.668.000
3.	Thù lao Kiểm soát viên	2	230.640.000
	Tổng Cộng		1.566.276.000

Bằng chữ: Một tỷ, năm trăm sáu mươi sáu triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng.

Kính trình Đại hội biểu quyết thông qua.

Trân trọng./. 

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- UVHĐQT Cty ĐHĐ;
- Ban KS Cty ĐHĐ;
- TGĐ, P.TGĐ;
- Lưu: Tky HĐQT, P.HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Nguyễn Trọng Oánh

Lâm Đồng, ngày 24 tháng 04 năm 2019

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của **Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim -Hàm Thuận - Đa Mi**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;
Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29/06/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24/11/2010;
Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
Căn cứ Thông tư số 95/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua;
Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận - Đa Mi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 thông qua;
Căn cứ công văn số 155/ EVNGENCO1-TH, ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Tổng công ty Phát điện 1, về việc chỉ đạo Người đại diện tại CTCP ĐHĐ nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2019.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi với nội dung cụ thể như sau:

- **Sửa đổi Khoản 2, Điều 21, Chương IX** của Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận - Đa Mi như sau:

+ Nội dung cũ: “**Người công bố thông tin là Kế toán trưởng hoặc người điều hành khác của Công ty**”.

+ Nội dung sửa đổi: “**Người công bố thông tin là người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật**”.

Tài liệu đính kèm theo:

- *Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi ban hành theo Quyết định số 69/QĐ-TĐĐHĐ 27/04/2018 của Hội đồng quản trị Công ty;*

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI



Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 1/2

- Công văn số 155/EVNGENCO1-TH, ngày 16 tháng 04 năm 2019 của Tổng công ty Phát điện 1, về việc chỉ đạo Người đại diện tại CTCP ĐHD nội dung ĐHĐCĐ thường niên 2019.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019 thông qua./.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ thường niên 2019;
- UVHĐQT Cty ĐHD;
- Ban KS Cty ĐHD;
- TGD, P.TGD;
- Lưu: Tky HĐQT, P.HCLĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Oánh

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN ĐA NHIM - HÀM THUẬN - ĐA MI



Địa chỉ: 80A Trần Phú, Bảo Lộc, Lâm Đồng

Điện thoại: 02633.728171 - Fax: 02633.866457

Email: trusochinh@dhd.com.vn

Trang: 2/2